

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

PHẠM VĂN NHÀN

**KHÁNG NGHỊ PHỨC THẨM THEO PHÁP LUẬT
TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM TỪ THỰC TIỄN
CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ
LUẬT HÌNH SỰ VÀ TỔ TỤNG HÌNH SỰ**

HÀ NỘI, năm 2018

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

PHẠM VĂN NHÀN

**KHÁNG NGHỊ PHÚC THẨM THEO PHÁP LUẬT
TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM TỪ THỰC TIỄN
CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Ngành: Luật Hình sự và Tố tụng Hình sự

Mã số: 8380104

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:
GS.TS. VÕ KHÁNH VINH

HÀ NỘI, năm 2018

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình do tôi thực hiện dưới sự hướng dẫn khoa học của GS.TS. Võ Khánh Vinh. Những tài liệu, số liệu, dẫn chứng sử dụng trong Luận văn là trung thực, chính xác và có nguồn gốc rõ ràng.

Tôi xin chịu trách nhiệm về nội dung cam đoan trên./.

Người cam đoan

Phạm Văn Nhàn

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ KHÁNG NGHỊ PHỨC THẨM HÌNH SỰ	7
1.1. Những vấn đề lý luận về kháng nghị phúc thẩm hình sự.....	7
1.2. Quy định pháp luật tố tụng hình sự về kháng nghị phúc thẩm hình sự	11
Tiểu kết Chương 1	21
Chương 2: THỰC TRẠNG KHÁNG NGHỊ PHỨC THẨM HÌNH SỰ CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	23
2.1. Khái quát tình hình kháng nghị phúc thẩm hình sự và những kết quả đạt được	23
2.2. Nguyên nhân của những kết quả đạt được.....	36
2.3. Những tồn tại, vướng mắc trong kháng nghị phúc thẩm hình sự và nguyên nhân	39
Tiểu kết Chương 2	51
Chương 3: CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG KHÁNG NGHỊ PHỨC THẨM HÌNH SỰ	52
3.1. Nhóm giải pháp về quản lý, chỉ đạo, điều hành, phối hợp, tổng kết thực tiễn.....	52
3.2. Nhóm giải pháp về nghiệp vụ	59
3.3. Nhóm giải pháp về công tác cán bộ	71
KẾT LUẬN	74
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	
PHỤ LỤC	

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BLDS	Bộ luật dân sự
BLHS	Bộ luật Hình sự
BLTTHS	Bộ luật Tố tụng Hình sự
CHXNCN	Cộng hòa xã hội chủ nghĩa
HĐXX	Hội đồng xét xử
KN	Kháng nghị
KSV	Kiểm sát viên
TA	Tòa án
TAND	Tòa án nhân dân
VKS	Viện kiểm sát
VKSND	Viện kiểm sát nhân dân

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2015, Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014 có hiệu lực thi hành. Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh (Viện Cấp cao 3) cũng chính thức được thành lập trên cơ sở Viện thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại TP. Hồ Chí Minh (Viện Phúc thẩm 3), tiếp tục thực hiện nhiệm vụ thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử phúc thẩm; đồng thời thực hiện nhiệm vụ theo thẩm quyền mới là thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm đối với bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án 23 tỉnh, thành phía Nam theo phân cấp địa giới hành chính (gồm: Lâm Đồng, Đắk Nông, Ninh Thuận, Bình Thuận, Bình Phước, Bình Dương, Đồng Nai, Vũng Tàu, Tây Ninh, TP. Hồ Chí Minh, Long An, Tiền Giang, Bến Tre, Đồng Tháp, Vĩnh Long, Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cần Thơ, Kiên Giang, An Giang, Hậu Giang, Cà Mau).

Do là cấp kiểm sát mới được thành lập, căn cứ pháp lý vận hành, áp dụng để thực hiện chức năng, nhiệm vụ chưa rõ ràng, khối lượng công việc đơn vị phải giải quyết rất lớn, số lượng biên chế đến nay chỉ mới đáp ứng được 2/3 chỉ tiêu biên chế được giao; điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị và nơi làm việc còn nhiều khó khăn, trong khi đó yêu cầu đòi hỏi các chỉ tiêu nghiệp vụ do Quốc hội, Ngành đưa ra phải đảm bảo thực hiện ngày càng cao, đặc biệt là chỉ tiêu kháng nghị phúc thẩm là một trong những chỉ tiêu quan trọng nhất phải đảm bảo hoàn thành nhằm thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của ngành kiểm sát nhân dân.

Kháng nghị phúc thẩm hình sự là một trong những quyền năng pháp lý quan trọng và duy nhất Nhà nước giao cho Viện kiểm sát nhân dân, do vậy thực hiện tốt công tác kháng nghị phúc thẩm hình sự không chỉ là quyền, mà

còn là trách nhiệm của ngành Kiểm sát. Nhận thức rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của nhiệm vụ này, Ngành đã đề ra chỉ tiêu cụ thể, áp dụng đồng bộ nhiều giải pháp để tổ chức thực hiện, nhất là từ khi Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao ban hành Chỉ thị số 03/CT-VKSTC-VPT1 ngày 19/6/2008 và Chỉ thị số 08/CT-VKSTC ngày 06/4/2016 về tăng cường công tác kháng nghị phúc thẩm án hình sự đã tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, tích cực trong nhận thức và hoạt động của toàn Ngành về công tác này, hiệu quả công tác kháng nghị phúc thẩm án hình sự được nâng lên, góp phần bảo đảm quá trình giải quyết vụ án hình sự nghiêm minh, đúng pháp luật, không để lọt tội phạm, người phạm tội, không làm oan người vô tội, bảo vệ có hiệu quả quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức và của Nhà nước, nhất là quyền con người, quyền công dân theo đúng tinh thần của Hiệp pháp và Bộ luật tố tụng hình sự.

Thực tiễn cho thấy, bên cạnh những kết quả đã đạt được, công tác kháng nghị phúc thẩm hình sự của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh trong thời gian qua vẫn còn nhiều tồn tại, hạn chế như một số chỉ tiêu của Ngành và Quốc hội đề ra nhưng thực hiện chưa đạt hoặc đạt thấp, hiệu quả công tác kháng nghị chưa cao, chưa đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm và tiến trình cải cách tư pháp hiện nay.

Với mong muốn qua nghiên cứu về lý luận và thực tiễn về công tác kháng nghị phúc thẩm hình sự nói chung và công tác kháng nghị phúc thẩm hình sự ở Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh nói riêng, qua đó, nhằm đánh giá toàn diện, khách quan công tác này trong thời gian qua, đồng thời tìm ra nguyên nhân dẫn đến những tồn tại, hạn chế, trên cơ sở đó đề ra các giải pháp thực hiện và kiến nghị để nâng cao chất lượng kháng nghị phúc thẩm hình sự thời gian tới.

Với ý nghĩa như trên tác giả lựa chọn đề tài: “*Kháng nghị phúc thẩm theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh*” làm luận văn thạc sỹ luật học của mình.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Chế định kháng nghị phúc thẩm hình sự đã được nhiều học giả, luật gia nổi tiếng, các Thẩm phán, Kiểm sát viên giàu kinh nghiệm chọn làm đề tài khoa học nghiên cứu dưới nhiều góc độ, phạm vi khác nhau. Hiện có nhiều bài viết, tài liệu phân tích về chế định kháng nghị phúc thẩm hình sự đăng trên các tạp chí luật học, tạp chí Kiểm sát, nhiều bài viết đăng tải trên mạng Internet. Trong đó phải kể đến các công trình nghiên cứu khoa học như: Đinh Văn Quế (2007), *Bàn thêm về kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm vụ án hình sự*, Tạp chí Kiểm sát, (số 15); Vũ Đức Thành (2010), *Đôi điều rút ra qua thực hiện công tác kháng nghị phúc thẩm hình sự ở Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh*, Tạp chí Kiểm sát, (số 16); Phạm Ngọc Cảnh (2010), *Bàn về tăng cường công tác kháng nghị phúc thẩm hình sự của Viện kiểm sát hai cấp tại Hải Phòng*, Tạp chí Kiểm sát, (số 16); Nguyễn Thị Lan (2017), *Giải pháp nâng cao chất lượng công tác kháng nghị phúc thẩm hình sự của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hải Phòng*, Tạp chí Kiểm sát, (số 3); Ngô Thanh Xuyên & Đỗ Mạnh Phương (2014), *Hoàn thiện các quy định về kháng nghị phúc thẩm hình sự trong Bộ luật Tố tụng Hình sự hiện hành*, Tạp chí Kiểm sát, (số 17); Mai Thanh Hiếu (2015), *Khái niệm hiệu lực của kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm trong tố tụng hình sự*, Tạp chí Luật học, (số 1).

Nhìn chung, các bài viết, công trình nghiên cứu nêu trên chỉ tập trung giải quyết một hoặc một vài nội dung cụ thể liên quan đến chế định kháng nghị phúc thẩm hình sự xuất phát từ thực tiễn áp dụng pháp luật và được

nghiên cứu trước khi luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014 và Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 có hiệu lực thi hành. Do đó, tác giả chọn nghiên cứu đề tài này là để so sánh, đối chiếu với các quy định mới của pháp luật, phát huy những kết quả đạt được, khắc phục những tồn, hạn chế đồng thời đưa ra các giải pháp, kiến nghị nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng, hiệu quả công tác kháng nghị phúc thẩm hình sự của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh trong thời gian tới.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích đánh giá toàn diện những kết quả đạt được, tìm ra những giải pháp để khắc phục những bất cập, tồn tại, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kháng nghị phúc thẩm hình sự của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Thứ nhất, làm rõ một số vấn đề lý luận và thực tiễn về công tác kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh

Thứ hai, phân tích, đánh giá toàn diện, khách quan việc thực hiện pháp luật và thực trạng công tác kháng nghị phúc thẩm trong thời gian qua, tìm ra nguyên nhân dẫn đến những tồn tại, hạn chế.

Thứ ba, đề xuất những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng của công tác kháng nghị phúc thẩm hình sự.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu các quy định của pháp luật tố tụng hình sự về quyền kháng nghị phúc thẩm hình sự của Viện kiểm sát nhân dân, so sánh, đối chiếu quy định của BLTTHS năm 2003 và BLTTHS năm 2015, Luật Tổ

chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2002 và Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014, liên hệ thực tiễn Viện kiểm sát nhân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi của luận văn là sự đánh giá toàn diện, khách quan thực trạng công tác kháng nghị, bảo vệ kháng nghị phúc thẩm hình sự của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh trong thời gian từ ngày 01 tháng 6 năm 2015 đến ngày 30/6/2018, từ đó rút ra những ưu điểm, hạn chế về công tác kháng nghị, bảo vệ kháng nghị phúc thẩm hình sự.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận nghiên cứu

Phương pháp biện chứng duy vật của Chủ nghĩa Mác – Lênin, kết hợp với tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm về Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam, tiến trình hội nhập quốc tế và cải cách Tư pháp.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Người viết đề tài sử dụng kết hợp các phương pháp nghiên cứu như: phương pháp chứng minh, phương pháp logic, phương pháp tổng hợp, phương pháp thống kê, phương pháp so sánh – đối chiếu và phân tích thực tiễn pháp luật.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

6.1. Ý nghĩa lý luận: Đề tài đã góp phần làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn về kháng nghị phúc thẩm hình sự theo pháp luật Tố tụng hình sự Việt Nam và đề ra các giải pháp hoàn thiện.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn: Kết quả nghiên cứu của Đề tài góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kháng nghị phúc thẩm của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của khóa luận gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận và pháp luật về kháng nghị phúc thẩm hình sự;

Chương 2: Thực trạng kháng nghị phúc thẩm án hình sự của Viện kiểm sát nhân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh;

Chương 3: Các giải pháp nâng cao chất lượng công tác kháng nghị phúc thẩm hình sự.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ KHÁNG NGHỊ PHÚC THẨM HÌNH SỰ

1.1. Những vấn đề lý luận về kháng nghị phúc thẩm hình sự

1.1.1. Khái niệm kháng nghị phúc thẩm hình sự

Theo Từ điển Luật học thì “*kháng nghị*” của Viện kiểm sát là khi thực hành quyền kiểm sát hoạt động tư pháp, Viện kiểm sát không đồng ý với toàn bộ hoặc một phần bản án, quyết định của Tòa án, gửi văn bản đến Tòa án có thẩm quyền làm ngưng hiệu lực thi hành đối với toàn bộ hoặc một phần bản án đó để xét xử theo thủ tục phúc thẩm, giám đốc thẩm hoặc tái thẩm đảm bảo cho vụ án được xét xử chính xác, khách quan, đúng pháp luật [50, tr. 731]; “*Kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm*” chỉ có Viện kiểm sát cùng cấp, cùng lãnh thổ với Tòa án đã ra bản án, quyết định sơ thẩm và Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp của VKS này mới có quyền kháng nghị những bản án, quyết định sơ thẩm.

Kháng nghị phúc thẩm hình sự là nhiệm vụ, đồng thời là một quyền năng pháp lý quan trọng mà Nhà nước giao cho Viện kiểm sát để thực hiện chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp; đây là điều kiện để xem xét lại bản án, quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật của Tòa án theo trình tự phúc thẩm nếu có sai phạm nhằm đảm bảo các bản án, quyết định của Tòa án đúng quy định của pháp luật.

Điều 36, 232 Bộ luật Tố tụng Hình sự (BLTTHS) năm 2003 quy định: “*Viện kiểm sát cùng cấp và Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị những bản án hoặc quyết định sơ thẩm; Khi thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động tố tụng đối với vụ án hình sự, Viện trưởng Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm các bản án, quyết định của Tòa án*”.

Khoản 2, Điều 41 BLTTHS năm 2015 quy định, Viện trưởng Viện kiểm sát có quyền: “*Kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm bản án, quyết định của Tòa án theo quy định của Bộ luật này (điểm o)*”.

Điều 4 Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014 quy định: “*Khi thực hiện chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp, Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị bản án, quyết định của Tòa án có vi phạm pháp luật*”.

Hiện nay, BLTTHS hiện hành cũng như các văn bản pháp lý chưa có một khái niệm thống nhất về kháng nghị phúc thẩm hình sự. Tuy nhiên, trên cơ sở các quy định của pháp luật, quan điểm của các nhà khoa học, đồng thời dựa vào đặc điểm, cũng như mục đích của kháng nghị phúc thẩm hình sự, tác giả đưa ra khái niệm khoa học về kháng nghị phúc thẩm vụ án hình sự như sau: “*Kháng nghị phúc thẩm là quyền năng pháp lý được Nhà nước giao cho Viện kiểm sát nhân dân để kháng nghị những bản án, quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật của Tòa án cùng cấp và cấp dưới trực tiếp khi phát hiện có vi phạm pháp luật nghiêm trọng để yêu cầu Tòa án cấp trên trực tiếp xét xử lại theo trình tự thủ tục phúc thẩm nhằm khắc phục vi phạm, đảm bảo việc xét xử đúng pháp luật, nghiêm minh và kịp thời*”.

Thông qua việc kháng nghị phúc thẩm hình sự, Viện kiểm sát bảo vệ quan điểm truy tố, đồng thời khắc phục các vi phạm pháp luật nghiêm trọng đối với các bản án, quyết định sơ thẩm của Tòa án chưa có hiệu lực pháp luật.

1.1.2. Đặc điểm của kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm hình sự

Kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm của Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) có một số đặc điểm cơ bản, đó là:

Đây là một quyền năng được Hiến định, được quy định tại Khoản 1 Điều 107 Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa (CHXHCN) Việt Nam năm 2013. Chỉ có Viện kiểm sát mới được Nhà nước giao thực hiện quyền năng pháp lý đặc biệt này.

Kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm là công cụ đặc biệt và là một trong những biểu hiện rõ nhất về quyền năng của Viện kiểm sát trong việc thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động xét xử của Tòa án nhân dân.

Khi Viện kiểm sát nhân dân thực hiện chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp tại phiên tòa sơ thẩm hình sự, nếu xét thấy bản án và quyết định của Tòa án vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng hoặc sai phạm nghiêm trọng trong áp dụng pháp luật hình sự, xâm phạm đến lợi ích của Nhà nước, xã hội và mọi quyền, lợi ích hợp pháp của những người tham gia tố tụng thì Viện kiểm sát phải có trách nhiệm kháng nghị phúc thẩm yêu cầu Tòa án cấp trên trực tiếp xét xử lại nhằm bảo đảm việc xét xử đúng pháp luật, nghiêm minh và kịp thời.

1.1.3. Vai trò kháng nghị phúc thẩm hình sự của Viện kiểm sát nhân dân

Việc thực hiện tốt công tác kháng nghị phúc thẩm hình sự có vai trò rất quan trọng trong việc thực hiện chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong giai đoạn xét xử.

Yêu cầu Tòa án phải đưa vụ án ra xét xử theo trình tự phúc thẩm, góp phần nâng cao chất lượng xét xử các vụ án hình sự, đảm bảo cho việc Tòa án ra một bản án dân chủ, khách quan, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và không bỏ lọt tội phạm.

1.1.4. Ý nghĩa của kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm

a) Ý nghĩa chính trị

Kháng nghị phúc thẩm trong tố tụng hình sự có ý nghĩa quan trọng trong việc đảm bảo tính nghiêm minh, thống nhất của pháp luật, tăng cường pháp chế XHCN, góp phần vào công cuộc cải cách Tư pháp, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

b) Ý nghĩa pháp lý

Việc quy định và thực hiện quyền kháng nghị phúc thẩm hình sự là căn cứ, cơ sở pháp lý quan trọng làm phát sinh thủ tục phúc thẩm, đồng thời cũng xác định phạm vi xét xử của Tòa án cấp phúc thẩm. BLTTHS quy định về kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm tương đối cụ thể và phù hợp với mục đích của xét xử phúc thẩm là kiểm tra lại tính có căn cứ của bản án, quyết định sơ thẩm đồng thời xét xử lại vụ án về mặt nội dung. Qua đó, một mặt bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước, xã hội và của công dân, mặt khác thông qua việc sửa chữa những sai lầm, vi phạm của Tòa án cấp sơ thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm hướng dẫn, giải thích để áp dụng thống nhất pháp luật.

Kháng nghị phúc thẩm hình sự còn có một ý nghĩa pháp lý quan trọng khác là cơ sở để ghi nhận cũng như đảm bảo thực hiện một số nguyên tắc cơ bản của luật TTHS, nó là cơ sở để hình thành nguyên tắc “*Thực hiện chế độ hai cấp xét xử*”. Để vụ án hình sự có thể được xét xử lại một lần nữa ở cấp phúc thẩm; nhằm giải quyết đúng đắn, kịp thời vụ án, bảo đảm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức và công dân.

c) Ý nghĩa xã hội

Kháng nghị phúc thẩm hình sự góp phần đảm bảo công bằng xã hội, củng cố lòng tin của nhân dân và hoạt động xét xử của Tòa án, nhằm đảm bảo uy tín của cơ quan tư pháp nói chung và Tòa án nói riêng. Việc đảm bảo pháp luật được thực thi, giải thích và áp dụng thống nhất là điều kiện quan trọng để hành vi của công dân được điều chỉnh bởi một hệ thống pháp luật thống nhất, đảm bảo nguyên tắc mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật. Thực hiện một xã hội công bằng, dân chủ văn minh; đảm bảo được các quyền cơ bản của công dân, không để xảy ra các trường hợp oan sai hay bỏ lọt tội phạm.

1.2. Quy định pháp luật tố tụng hình sự về kháng nghị phúc thẩm hình sự

1.2.1. Đối tượng của kháng nghị phúc thẩm hình sự

Điều 220 và điều 232 BLTTHS năm 2003 quy định đối tượng của kháng nghị phúc thẩm như sau: “*Xét xử phúc thẩm là việc tòa án cấp trên trực tiếp xét xử lại vụ án hoặc xét lại quyết định sơ thẩm, mà bản án, quyết định sơ thẩm đó chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo hoặc kháng nghị; Viện kiểm sát cùng cấp và Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị những bản án hoặc quyết định sơ thẩm*”.

Tuy nhiên, trong thực tế, không phải tất cả các quyết định sơ thẩm của tòa án chưa có hiệu lực pháp luật đều có thể bị kháng nghị như quyết định hoãn phiên tòa, quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung; quyết định về việc thay đổi người tiến hành tố tụng, người giám định, người phiên dịch; quyết định về việc bắt tạm giam bị cáo sau khi tuyên án...vv.

Theo Nghị quyết số 05/2005/NQ-HĐTP ngày 08/12/2005 Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định trong Phần thứ tư “Xét xử phúc thẩm của BLTTHS”, theo đó quyết định sơ thẩm là đối tượng của kháng nghị phúc thẩm bao gồm: “*Quyết định tạm đình chỉ vụ án, quyết định đình chỉ vụ án; quyết định áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh và các quyết định khác*”, tuy nhiên văn bản này cũng không thể hiện rõ các quyết định khác là quyết định nào.

Để khắc phục thiếu sót trên, Khoản 2 Điều 330 BLTTHS năm 2015 đã liệt kê cụ thể các quyết định sơ thẩm là đối tượng kháng nghị phúc thẩm hình sự. Đó là, quyết định tạm đình chỉ, quyết định đình chỉ vụ án, quyết định tạm đình chỉ vụ án đối với bị can, bị cáo, quyết định đình chỉ vụ án đối với bị can, bị cáo và quyết định khác của Tòa án cấp sơ thẩm theo quy định của Bộ luật này.

Các quyết định khác của Tòa án cấp sơ thẩm theo quy định của BLTTHS gồm có: Quyết định khởi tố vụ án của Hội đồng xét xử được quy định tại Khoản 1 Điều 161 BLTTHS năm 2015 và Quyết định áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh được quy định tại Khoản 3 Điều 453 BLTTHS năm 2015.

Ngoài ra, khoản 2 Điều 255 và khoản 2 Điều 316 BLTTHS năm 2003 (Điều 363, khoản 2 Điều 453 BLTTHS năm 2015) còn quy định các bản án, quyết định trong những trường hợp sau có thể bị kháng nghị phúc thẩm: *bị cáo đang bị tạm giam mà Tòa án cấp sơ thẩm quyết định đình chỉ vụ án, không kết tội, miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt cho bị cáo, hình phạt không phải là tù giam hoặc phạt tù nhưng cho hưởng án treo hoặc khi thời hạn phạt tù bằng hoặc ngắn hơn thời hạn đã tạm giam thì bản án hoặc quyết định của Tòa án được thi hành ngay, mặc dù vẫn có thể bị kháng nghị hay đối với quyết định của Tòa án về việc áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh vẫn có hiệu lực thi hành mặc dù có kháng nghị.*

1.2.2. Thẩm quyền kháng nghị phúc thẩm hình sự

Điều 336 BLTTHS năm 2015 (Điều 232 BLTTHS năm 2003) quy định: *“Viện kiểm sát cùng cấp và Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị những bản án hoặc quyết định sơ thẩm”,* đồng thời điểm k khoản 3 Điều 3 và điểm d khoản 3 Điều 4 Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014 quy định khi thực hiện chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp, *Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án, quyết định của Tòa án khi phát hiện oan, sai, bỏ lọt tội phạm, người phạm tội hoặc bản án, quyết định của Tòa án có vi phạm pháp luật.*

Điều 41 BLTTHS năm 2015 (Điều 36 BLTTHS năm 2003) thì người có thẩm quyền quyết định việc kháng nghị phúc thẩm bản án, quyết định của Tòa án là Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát các cấp.

Tại Khoản 4 Điều 2 Nghị quyết số 82/2014/QH 13 ngày 24/11/2014 của Quốc hội về việc thi hành Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân quy định: *“Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đối với bản án, quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương...”*

Đây là quy định mới thay đổi về thẩm quyền kháng nghị phúc thẩm của ngành kiểm sát. Theo đó, Viện kiểm sát nhân dân tối cao không còn có chức năng kháng nghị phúc thẩm mà chuyển quyền năng này cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao.

Như vậy, chủ thể kháng nghị phúc thẩm theo quy định hiện hành gồm có: Viện trưởng kiểm sát nhân dân cấp cao; Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện.

1.2.3. Căn cứ kháng nghị phúc thẩm hình sự

Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 và BLTTHS năm 2015 không quy định cụ thể căn cứ kháng nghị phúc thẩm hình sự, tuy nhiên để nâng cao hiệu quả công tác kháng nghị phúc thẩm, Quy chế công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử các vụ án hình sự ban hành kèm theo Quyết định số 960/QĐ-VKSTC ngày 17/9/2007 Viện kiểm sát nhân dân tối cao, tại Điều 33 xác định, bản án hoặc quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm khi có một trong những căn cứ sau đây:

1. Việc điều tra, xét hỏi tại phiên tòa sơ thẩm phiên diện hoặc không đầy đủ

Việc điều tra, xét hỏi tại phiên tòa là phiên diện, thiếu khách quan nếu khi xét hỏi chỉ thiên về chứng cứ buộc tội, không quan tâm, chú ý đến những chứng cứ gỡ tội; chưa làm rõ và xác định những vấn đề cần phải chứng minh tội phạm được quy định tại Điều 63, Điều 66 BLTTHS 2003.

2. Kết luận của bản án hoặc quyết định hình sự sơ thẩm không phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án

Điều này có nghĩa là, trong phân xét thấy, trong phần quyết định của bản án hoặc quyết định có những vấn đề không phù hợp với những tình tiết khách quan đã thu thập được trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên toà hoặc những tình tiết khách quan đã được làm rõ tại phiên toà qua xét hỏi, tranh luận.

3. Có vi phạm trong việc áp dụng Bộ luật hình sự

Có những sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng BLHS là việc áp dụng sai điểm, khoản, điều luật của BLHS dẫn đến xét xử bị cáo về tội nặng hơn hoặc tội nhẹ hơn, về khoản nặng hơn hoặc nhẹ hơn không đúng với nguyên tắc xử lý vụ án. Có sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng BLHS nếu áp dụng đúng điểm, khoản, điều luật của BLHS như xử quá nhẹ hoặc xử quá nặng; việc cho hưởng án treo không đúng quy định...vv

Việc áp dụng Bộ luật Hình sự của Toà án cấp sơ thẩm phải đảm bảo phương châm kết án đúng người, đúng tội, không làm oan người vô tội, không bỏ lọt người phạm tội. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án Toà án cấp sơ thẩm vẫn có những sai lầm nghiêm trọng dẫn đến bản án hoặc quyết định đối với bị cáo không nghiêm minh, không có tác dụng giáo dục và phòng ngừa, thậm chí có trường hợp làm oan người vô tội hoặc bỏ lọt người phạm tội hoặc quyết định đối với người tham gia tố tụng không đúng pháp luật, xâm phạm nghiêm trọng quyền và lợi ích hợp pháp của họ.

Thực tiễn xét xử cho thấy, những sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng Bộ luật Hình sự của Toà án cấp sơ thẩm là những sai lầm sau: Kết án người không có hành vi phạm tội (làm oan người vô tội); Kết án người mà hành vi của họ không cấu thành tội phạm; Kết án người chưa đến tuổi chịu

trách nhiệm hình sự; Toà án cấp sơ thẩm bỏ lọt tội phạm; Kết án sai tội danh; Áp dụng điều khoản của Bộ luật Hình sự không đúng...

4. Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm không đúng luật định hoặc có vi phạm nghiêm trọng khác về thủ tục tố tụng

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm không đúng theo quy định tại Điều 46, 185 BLTTHS năm 2003 hoặc thuộc các trường hợp Hội đồng xét xử sơ thẩm không đúng Hội đồng xét xử trong quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong khi điều tra, truy tố hoặc xét xử là trường hợp BLTTHS quy định bắt buộc phải tiến hành hoặc tiến hành theo thủ tục tố tụng đó, nhưng cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng bỏ qua hoặc không thực hiện đúng, dẫn đến việc xâm phạm nghiêm trọng đến quyền lợi của bị can, bị cáo, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án hoặc làm cho việc giải quyết vụ án thiếu khách quan toàn diện.

Khoản 1 Điều 5 Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014 quy định chung về căn cứ kháng nghị đối với bản án, quyết định *là trong trường hợp hành vi, bản án, quyết định của cơ quan, cá nhân có thẩm quyền trong hoạt động tư pháp có vi phạm pháp luật nghiêm trọng, xâm phạm quyền con người, quyền công dân, lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân thì Viện kiểm sát nhân dân phải kháng nghị.*

1.2.4. Thời hạn kháng nghị phúc thẩm hình sự

Thời hạn kháng nghị là khoảng thời gian cần thiết theo quy định của pháp luật để chủ thể có quyền kháng nghị thực hiện quyền kháng nghị của mình.

Thời hạn kháng nghị phúc thẩm được tính kể từ thời điểm bắt đầu đến thời điểm kết thúc thời hạn kháng nghị.

Thời hạn kháng nghị phúc thẩm hình sự đối với bản án và quyết định sơ thẩm được quy định tại Điều 337 BLTTHS năm 2015 (Điều 234, Điều 239 BLTTHS năm 2003) như sau: *đối với bản án sơ thẩm, thời hạn kháng nghị phúc thẩm của Viện kiểm sát cùng cấp là 15 ngày, của Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp là 30 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với quyết định sơ thẩm, thời hạn kháng nghị phúc thẩm của Viện kiểm sát cùng cấp là 07 ngày, của Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp là 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.*

Để thống nhất nhận thức và áp dụng pháp luật trong thực tế, Nghị quyết số 05/2005/NQ-HĐTP ngày 08/12/2005 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã hướng dẫn về cách tính thời điểm bắt đầu và thời điểm kết thúc thời hạn kháng nghị, tại tiêu mục 4.1 mục 4 phần I Nghị quyết số 05 quy định: *thời điểm bắt đầu tính thời hạn kháng nghị là ngày tiếp theo của ngày được xác định, ngày được xác định là ngày Tòa án tuyên án hoặc ra quyết định và thời điểm kết thúc thời hạn kháng nghị là ngày cuối cùng của thời hạn, nếu ngày cuối cùng của thời hạn là ngày nghỉ cuối tuần (thứ bảy, chủ nhật) hoặc ngày nghỉ lễ, thì thời hạn kết thúc tại thời điểm kết thúc ngày làm việc đầu tiên tiếp theo ngày nghỉ đó.*

1.2.5. Hậu quả của kháng nghị phúc thẩm hình sự

Theo quy định của BLTTHS 2003 thì khi có kháng nghị, những phần của bản án bị kháng nghị thì chưa được đưa ra thi hành, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 255 của Bộ luật này. Khi có kháng nghị đối với toàn bộ bản án thì toàn bộ bản án chưa được đưa ra thi hành.

Điều 339 BLTTHS 2015 quy định hậu quả của việc kháng nghị, theo đó những phần của bản án, quyết định của Tòa án bị kháng nghị thì chưa được đưa ra thi hành, trừ trường hợp quy định tại Điều 363 của Bộ luật này. Khi có kháng nghị đối với toàn bộ bản án, quyết định thì toàn bộ bản án,

quyết định chưa được đưa ra thi hành, trừ trường hợp quy định tại Điều 363 của Bộ luật này.

Như vậy, có thể thấy, BLTTHS năm 2015 quy định bổ sung về hậu quả của việc kháng nghị đối với quyết định của Tòa án trong cùng một điều luật với hậu quả của việc kháng nghị đối với bản án. Đồng thời, BLTTHS năm 2015 cũng bổ sung các trường hợp ngoại lệ khi kháng nghị đối với toàn bộ bản án, quyết định của Tòa án.

Theo đó, quy định về việc khi có kháng nghị đối với toàn bộ bản án, quyết định thì toàn bộ bản án, quyết định chưa được đưa ra thi hành, trừ trường hợp quy định tại Điều 363 của BLTTHS năm 2015, đó là các trường hợp bị cáo đang bị tạm giam mà Tòa án cấp sơ thẩm quyết định đình chỉ vụ án, tuyên bị cáo không có tội, miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt cho bị cáo, hình phạt không phải là hình phạt tù hoặc phạt tù nhưng cho hưởng án treo hoặc khi thời hạn phạt tù bằng hoặc ngắn hơn thời hạn đã tạm giam thì bản án hoặc quyết định của Tòa án được thi hành ngay, mặc dù vẫn có thể bị kháng nghị.

Sau khi có kháng nghị, các trường hợp xảy ra được dự liệu trong BLTTHS năm 2003 và BLTTHS năm 2015 là giống nhau, gồm có các trường hợp: Không chấp nhận kháng nghị và giữ nguyên bản án sơ thẩm; sửa bản án sơ thẩm; hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án để điều tra hoặc xét xử lại; Hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án.

Ngoài ra, liên quan đến hậu quả của việc kháng nghị theo quy định tại Khoản 2 Điều 249 BLTTHS năm 2003 và Khoản 3 Điều 357 BLTTHS năm 2015 thì đối với các bị cáo trong cùng vụ án hình sự mà không bị kháng nghị, nếu có căn cứ, Tòa án cấp phúc thẩm có thể miễn trách nhiệm hình sự hoặc miễn hình phạt cho bị cáo; không áp dụng hình phạt bổ sung; không áp dụng biện pháp tư pháp; áp dụng điều, khoản của Bộ luật hình sự về tội nhẹ hơn;

giảm hình phạt cho bị cáo; giảm mức bồi thường thiệt hại và sửa quyết định xử lý vật chứng; chuyển sang hình phạt khác thuộc loại nhẹ hơn; giữ nguyên hoặc giảm mức hình phạt tù và cho hưởng án treo.

1.2.6. Giới hạn của kháng nghị phúc thẩm hình sự

Giới hạn của việc kháng nghị phúc thẩm có thể được hiểu là phạm vi quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự phù hợp với tư cách pháp lý tố tụng của chủ thể kháng nghị. Chủ thể kháng nghị chỉ được kháng nghị trong phạm vi liên quan đến quyền hạn, trách nhiệm của mình.

Điều 107, Luật Hiến pháp năm 2013 đã quy định bên cạnh chức năng thực hành quyền công tố, Viện kiểm sát nhân dân còn có chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp. Đồng thời, quy định Viện kiểm sát nhân dân có nhiệm vụ bảo vệ pháp luật, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, góp phần bảo đảm pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất.

Khoản 1 Điều 5 Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014 quy định: *“Trường hợp hành vi, bản án, quyết định của cơ quan, cá nhân có thẩm quyền trong hoạt động tư pháp có vi phạm pháp luật nghiêm trọng, xâm phạm quyền con người, quyền công dân, lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân thì Viện kiểm sát nhân dân phải kháng nghị. Cơ quan, người có thẩm quyền phải giải quyết kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân theo quy định của pháp luật”*.

Như vậy, có thể thấy, khi thực hiện chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động xét xử trong vụ án hình sự của Tòa án, ngoài những vi phạm nghiêm trọng liên quan đến vấn đề áp dụng pháp luật hình sự và pháp luật tố tụng hình sự, nếu phát hiện có những vi phạm nghiêm trọng của Tòa án, xâm phạm đến quyền và lợi ích của cá nhân, cụ thể: Trong trường hợp, xét

thấy mức bồi thường thiệt hại mà bản án đã quyết định là chưa thỏa đáng, xâm phạm trực tiếp đến quyền và lợi ích của bị hại thì Viện kiểm sát vẫn có quyền quyền kháng nghị phúc thẩm để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo hướng tăng mức bồi thường thiệt hại. Viện kiểm sát thực hiện quyền kháng nghị phúc thẩm trong trường hợp này là thực hiện chức năng và nhiệm vụ hiến định.

Tóm lại: Giới hạn kháng nghị phúc thẩm hình sự được hiểu là phạm vi quyền kháng nghị phúc thẩm hình sự theo quy định của pháp luật phù hợp với tư cách pháp lý tố tụng của chủ thể kháng nghị đã được pháp luật quy định.

1.2.7. Bổ sung, thay đổi, rút kháng nghị phúc thẩm hình sự

BLTTHS năm 2003 và BLTTHS năm 2015 đều quy định cho Viện kiểm sát quyền kháng nghị, đồng thời cũng quy định cho Viện kiểm sát được quyền bổ sung, thay đổi, rút kháng nghị nhằm tạo điều kiện để Viện kiểm sát nghiên cứu, cân nhắc, kịp thời bổ sung, khắc phục sai sót, đảm bảo kháng nghị có chất lượng, đúng quy định của pháp luật, đảm bảo các quyền lợi hợp pháp, chính đáng của Nhà nước, cơ quan, tổ chức và cá nhân không bị xâm hại.

Khoản 1 Điều 342 BLTTHS năm 2015 (Điều 238 BLTTHS năm 2003) quy định việc thay đổi, bổ sung, rút kháng cáo, kháng nghị: *trước khi bắt đầu phiên tòa hoặc tại phiên tòa phúc thẩm Viện kiểm sát ra quyết định kháng nghị có quyền thay đổi, bổ sung kháng nghị nhưng không được làm xấu hơn tình trạng của bị cáo; Viện kiểm sát ra quyết định kháng nghị hoặc Viện kiểm sát cấp trên trực có quyền rút một phần hoặc toàn bộ kháng nghị.*

Khoản 2 Điều 242 quy định: Việc thay đổi, bổ sung, rút kháng nghị trước khi mở phiên tòa phải lập văn bản và gửi cho Tòa án cấp phúc thẩm.

Nghị quyết số 05 (tiểu mục 7.1 mục 7 phần I) hướng dẫn về việc bổ sung, thay đổi kháng nghị như sau:

+ Trong trường hợp vẫn còn thời hạn kháng nghị quy định tại Điều 234 của BLTTHS thì Viện kiểm sát đã kháng nghị có quyền bổ sung, thay đổi nội dung kháng nghị đối với phần hoặc toàn bộ bản án mà mình có quyền kháng nghị theo hướng có lợi hoặc không có lợi cho bị cáo. Trong trường hợp Viện kiểm sát đã rút một phần hoặc toàn bộ kháng nghị nhưng sau đó có kháng nghị lại mà vẫn còn trong thời hạn kháng nghị, thì vẫn được chấp nhận để xét xử phúc thẩm theo thủ tục chung.

+ Trong trường hợp đã hết thời hạn kháng nghị theo quy định tại Điều 234 của BLTTHS, thì trước khi bắt đầu hoặc tại phiên tòa phúc thẩm Viện kiểm sát đã kháng nghị có quyền bổ sung, thay đổi nội dung kháng nghị nhưng không được làm xấu hơn tình trạng của bị cáo.

Vấn đề bổ sung, thay đổi kháng nghị trong thời hạn kháng nghị, qua thực tiễn cho thấy: Nếu thời hạn kháng nghị của bản án, quyết định vẫn còn thì người có quyền kháng nghị có thể bổ sung, thay đổi kháng nghị theo hướng làm nhẹ hơn hoặc làm xấu hơn tình trạng của bị cáo. Điều này hoàn toàn không trái với quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2003 và Điều 342 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 .

Như vậy, theo quy định của pháp luật thì việc rút kháng nghị của Viện kiểm sát có thể thực hiện bất cứ lúc nào, rút một phần hay toàn bộ kháng nghị. Tuy nhiên, hiện nay Bộ luật Tố tụng Hình sự chưa có quy định, đối với quyết định rút kháng nghị của Viện kiểm sát rõ ràng không có căn cứ thì giải quyết như thế nào? Thực tiễn xét xử đã có trường hợp việc rút kháng nghị của Viện kiểm sát cấp trên rõ ràng là không có căn cứ nên việc khắc phục sai lầm của Tòa án cấp sơ thẩm chỉ có thể được thực hiện theo thủ tục giám đốc thẩm. Cách giải quyết này vừa kéo dài vụ án vừa không bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của những người tham gia tố tụng. Việc rút kháng nghị không có

căn cứ dẫn đến nhiều hệ lụy, trong đó có phải kể đến phản ứng của Viện kiểm sát kháng nghị đối với Viện kiểm sát cấp trên rút kháng nghị.

Mặt khác, theo quy định của pháp luật, khi Viện kiểm sát rút kháng nghị thì Tòa án căn cứ quyết định rút kháng nghị để đình chỉ việc xét xử phúc thẩm. Theo hướng dẫn của Hội đồng thẩm phán tại Nghị quyết 05/2005/NQ-HĐTP ngày 8-12-2005 thì bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật từ khi thẩm phán được phân công làm chủ tọa phiên tòa ra quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm. Tuy nhiên, trong trường hợp Viện kiểm sát đã rút một phần hay toàn bộ kháng nghị trước khi mở phiên tòa phúc thẩm nhưng thời hạn kháng nghị vẫn còn thì Viện kiểm sát vẫn có thể tiếp tục kháng nghị lại. Chính vì vậy cần quy định việc ra quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm khi đã hết thời hạn kháng nghị.

Tiểu kết Chương 1

Kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm là quyền năng pháp lý đặc biệt mà Nhà nước chỉ giao cho ngành kiểm sát. Việc kháng nghị được tiến hành trong quá trình Viện kiểm sát thực hiện chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng hình sự, đây là một quyền năng được Hiến định, được quy định tại Khoản 1 Điều 107 Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 và được quy định cụ thể trong Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân và các văn bản hướng dẫn pháp luật.

Kháng nghị phúc thẩm hình sự có vai trò, ý nghĩa vô cùng quan trọng trong công tác đấu tranh, phòng ngừa tội phạm, góp phần nâng cao chất lượng xét xử các vụ án hình sự, đảm bảo cho việc Tòa án ra một bản án dân chủ, khách quan, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và không bỏ lọt tội phạm.

Mặc dù pháp luật quy định cho Viện kiểm sát nhân dân quyền năng kháng nghị phúc thẩm nhưng trên thực tế để thực hiện quyền năng này còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc, bất cập, do quy định của pháp luật chưa cụ thể, rõ ràng như chưa quy định cụ thể căn cứ để kháng nghị, thời hạn kháng nghị ngắn nên Viện kiểm sát cấp trên không kịp thời tiếp cận hồ sơ nghiên cứu để kháng nghị, dẫn đến hết thời hạn kháng nghị; mặt khác về nhận thức pháp luật hiện nay trong từng vụ việc cụ thể còn nhiều quan điểm khác nhau do pháp luật chưa quy định chưa cụ thể, rõ ràng. Vì vậy, để nâng cao hiệu quả công tác kháng nghị trong thời gian tới thì việc hoàn thiện hệ thống pháp luật về kháng nghị giữ vai trò đặc biệt quan trọng.

Chương 2

THỰC TRẠNG KHÁNG NGHỊ PHÚC THẨM HÌNH SỰ CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

2.1. Khái quát tình hình kháng nghị phúc thẩm hình sự và những kết quả đạt được

2.1.1. Về tình hình kháng nghị phúc thẩm hình sự

Theo số liệu thống kê, trong gần 04 năm (Năm 2015 – đến tháng 5/2018) Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử theo trình tự phúc thẩm 2.012 vụ án hình sự các loại (năm 2015 xét xử 562 vụ; năm 2016 xét xử 641 vụ; năm 2017 xét xử 537 vụ; 06 tháng đầu năm 2018 xét xử 272 vụ). Kết quả Tòa tuyên hủy án 177 vụ và sửa án 536 vụ, chiếm tỷ lệ 35,43% số án đã xét xử phúc thẩm (năm 2015 tuyên hủy, sửa 187 bản án, chiếm tỷ lệ **33,27%**; năm 2016 tuyên hủy, sửa 217 bản án, chiếm tỷ lệ **33,85%**; năm 2017 tuyên hủy, sửa 194 bản án, chiếm tỷ lệ **36,12%**; 06 tháng đầu năm 2018 tuyên hủy, sửa 115 bản án, chiếm tỷ lệ **42,27%**). Với số lượng án hủy, sửa nêu trên, Viện kiểm sát các địa phương khu vực phía Nam đã ban hành kháng nghị phúc thẩm 261 vụ, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh kháng nghị 46 vụ (trong đó năm 2015 là 08 vụ/ 30 bị cáo, năm 2016 là 18 vụ/ 33 bị cáo, năm 2017 là 10 vụ/ 31 bị cáo và 06 tháng đầu năm 2018 là 10 vụ/ 15 bị cáo).

Kết quả giải quyết án phúc thẩm có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh, Viện Cấp cao 3 đã rút kháng nghị 02 vụ/ 03 bị cáo, Tòa án cấp cao xét xử chấp nhận kháng nghị 29 vụ/ 58 bị cáo và không chấp nhận kháng nghị 04 vụ/ 17 bị cáo. Hiện còn 11 chưa có kết quả xét xử phúc thẩm.

2.1.2. Những kết quả đạt được về công tác kháng nghị phúc thẩm hình sự

Theo số liệu thống kê, về số lượng và chất lượng kháng nghị phúc thẩm đã được nâng lên, năm sau cao hơn năm trước, theo đó tỷ lệ kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao được Tòa án cấp cao chấp nhận trên 70%, có nhiều vụ cấp phúc thẩm tuyên sửa, hủy án theo kháng nghị của Viện kiểm sát, được dư luận đồng tình ủng hộ. Điển hình, vụ án Nguyễn Minh Hùng và đồng phạm (vụ VN Pharma), phạm tội “Buôn lậu, Làm giả con dấu tài liệu của cơ quan tổ chức”. Vụ án này Viện kiểm sát nhân dân cấp cao kháng nghị phúc thẩm đề nghị hủy toàn bộ án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại theo hướng thay đổi tội danh và được dư luận xã hội đồng tình ủng hộ, Tòa án cấp cao đưa ra xét xử phúc thẩm và chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện kiểm sát, hủy án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại.

Về hình thức quyết định kháng nghị được ban hành đúng mẫu hướng dẫn của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, các kháng nghị ban hành đúng thời hạn, nội dung kháng nghị cụ thể, rõ ràng, lập luận chặt chẽ, phát hiện đúng các vi phạm của bản án, viện dẫn chính xác căn cứ pháp luật,... nội dung kháng nghị phúc thẩm ngày càng đa dạng hơn, không chỉ kháng nghị về tố tụng mà còn kháng nghị về cả nội dung giải quyết vụ án.

Về nội dung kháng nghị các bản án, quyết định sơ thẩm của Tòa án rất đa dạng, phong phú. Tuy nhiên, qua nghiên thì kháng nghị phúc thẩm thường tập trung vào các dạng vi phạm như sau:

a) Kháng nghị do sai tội danh, Điều luật áp dụng

Thông qua công tác kiểm sát Bản án, quyết định sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố phía Nam thuộc địa bàn Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh, Viện kiểm sát cấp cao đã phát hiện nhiều bản

án hình sự sơ thẩm sai về tội danh và điều luật áp dụng, đã kịp thời kháng nghị, điển hình như sau:

+ Vụ Lại Văn Hoàng cùng đồng bọn bị Viện kiểm sát nhân dân TP. Hồ Chí Minh truy tố, về tội: "Giết người" nhưng Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh xét xử các bị cáo, về tội "Cố ý gây thương tích".

Bản án hình sự sơ thẩm số: 302/2017/HSST ngày 23/08/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, nhận định cho rằng do không xác định được ý thức giết người của các bị cáo nên áp dụng khoản 3, Điều 104 Bộ luật hình sự tuyên bố các bị cáo phạm tội "Cố ý gây thương tích" xử phạt các bị cáo Lại Văn Hoàng 15 năm tù, và xử các bị cáo liên quan; về tội "Cố ý gây thương tích".

Xét thấy, Bị cáo Lại Văn Hoàng, lợi dụng được phân công làm trưởng buồng giam A4 thuộc Nhà tạm giữ của Công an huyện Bình Chánh, bị cáo tự đặt ra những quy định sinh hoạt theo ý mình rồi buộc các bị cáo khi vào đây phải tuân theo, nếu chống cự thì sẽ bị đánh. Khoảng 16 giờ 30 ngày 19/01/2013, trong lúc tắm, tay Trần Văn Hóa là can phạm bị nhiễm HIV, sức khỏe yếu, do sơ suất còn dính xà bông mà Hóa đưa tay vào bồn mức nước. Hoàng nhìn thấy nên ra lệnh cho các bị cáo Thông, Hiếu, Long, Xuân Minh, Vũ, Hoàng Minh (sinh năm 1981), Tuế, Tân, Hoàng Minh (1986), Tiến cùng nhau xông vào dùng tay, chân, chai nước và cục nước đá đánh, đập với một lực rất mạnh vào vùng trọng yếu của cơ thể nạn nhân (đập, đánh vào ngực, bụng, và đầu) làm gãy nhiều xương sườn; gãy xương ức; vỡ tĩnh mạch chủ, dập phổi, dập gan trái, dập cơ hoành phải, xuất huyết nội dẫn đến nạn nhân tử vong ngay sau đó (Theo Kết luận giám định pháp y tử thi số 51/GPTT.13 ngày 18/02/2013 của Trung tâm Pháp y TP. Hồ Chí Minh).

Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh nhận thấy, Bản án sơ thẩm nhận định và tuyên phạt các bị cáo trên, về tội "Cố ý gây

thương tích” theo khoản 3 Điều 104 Bộ luật hình sự là không chính xác, không đúng tính chất mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện, dẫn đến việc áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo là nhẹ, không tương xứng với tính chất, mức độ cũng như hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, chưa đủ sức răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành kháng nghị phúc thẩm đề nghị sửa bản án hình sự sơ thẩm theo hướng tuyên bố bị cáo Lại Văn Hoàng cùng đồng bọn phạm tội, phạm tội “Giết người” và tăng hình phạt đối với các bị cáo. Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh đã được Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận hoàn toàn. Tòa phúc thẩm tuyên phạt bị cáo Lại Văn Hoàng và các bị cáo liên quan, về tội “Giết người” và tăng hình phạt đối với các bị cáo.

b) Kháng nghị tăng hình phạt

Thực tiễn nghiên cứu Kháng nghị phúc thẩm cho thấy, trong các loại kháng nghị đã nêu thì kháng nghị tăng hình phạt là loại kháng nghị phổ biến, chiếm đa số, áp dụng cho tất cả các loại tội phạm. Kháng nghị tăng hình phạt chỉ áp dụng trong trường hợp Bản án sơ thẩm tuyên mức hình phạt nhẹ đối với bị cáo. Việc xử phạt nhẹ không có cơ sở, không phù hợp với quy định của pháp luật.

Về nguyên nhân áp dụng hình phạt nhẹ có nhiều nguyên nhân, nhưng nguyên nhân cơ bản thường là: Do trong quá trình xét xử đã nhận định không khách quan, toàn diện về vụ án, đánh giá sai lầm về chứng cứ, về hành vi, tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra; việc vận dụng, áp dụng pháp luật về tội danh, khung hình phạt, điều luật, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự không chính xác.

Đối với dạng vi phạm này, thường dễ phát hiện và tỷ lệ kháng nghị phúc thẩm được chấp nhận cao.

- Diễn hình kháng nghị sau:

+ Vụ Lang Thanh Duẩn phạm tội “Hiếp dâm trẻ em” và “Dâm ô trẻ em”. Bản án hình sự sơ thẩm số 54/2017/HSST ngày 08/11/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông: Áp dụng khoản 4 Điều 112 Bộ luật hình sự 1999... xử phạt bị cáo Lang Thanh Duẩn 16 (mười sáu) năm tù về tội “Hiếp dâm trẻ em”. Áp dụng các điểm a, b khoản 2 Điều 116 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Lang Thanh Duẩn 04 năm tù, về tội “Dâm ô trẻ em”. Tổng hợp hình phạt 20 năm.

Xét thấy: Bị cáo Lang Thanh Duẩn, sinh năm 1959, là nhân viên bảo vệ tại trường tiểu học Nguyễn Huệ, thuộc xã Eapô, huyện Cư jut, tỉnh Đắk Nông, đã có vợ và 03 con, chỉ vì muốn thỏa mãn dục vọng thấp hèn của bản thân, bị cáo đã thực hiện hành vi “giao cấu” nhiều lần (04 lần) với em Lý Thị Hương, sinh ngày 23/9/2006, là học sinh tiểu học. Hành vi phạm tội của bị cáo Lang Thanh Duẩn không dừng lại đối với em Hương. Qua kết quả điều tra cho thấy, trong thời gian từ năm 2014 đến năm 2017, bị cáo Duẩn đã nhiều lần thực hiện hành vi “dâm ô” với 05 em khác là học sinh tiểu học của Trường Tiểu học Nguyễn Huệ khi các em đi vệ sinh.

Hành vi nêu trên của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã lợi dụng công việc là Nhân viên bảo vệ Trường Tiểu học Nguyễn Huệ để thực hiện hành vi đồi bại “giao cấu” và “dâm ô” các em nhiều lần, ngang nhiên thực hiện hành vi phạm tội ngay trong Trường Tiểu học Nguyễn Huệ. Đối tượng phạm tội mà bị cáo nhằm vào là các bị hại đang học lớp 3, lớp 4 và lớp 5, tuổi từ 07 tuổi đến 10 tuổi, lứa tuổi còn rất nhỏ mà Nhà nước đặc biệt quan tâm, chăm sóc, bảo vệ. Hành vi phạm tội của bị cáo không chỉ xâm phạm đến sức khỏe, thân thể và quyền bất khả xâm phạm về tình dục, cũng như sự phát

triển bình thường về thể chất và tâm sinh lý của các em, mà còn trái đạo đức xã hội và thuần phong mỹ tục của dân tộc, gây lo lắng cho các gia đình, phụ huynh học sinh có con nhỏ, đặc biệt trong thời gian gần đây, tình trạng xâm phạm tình dục trẻ em ngày một gia tăng, gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng về nhiều mặt, dư luận xã hội lên án mạnh mẽ. Hành vi của bị cáo đã phạm vào khoản 4 Điều 112 Bộ luật Hình sự năm 1999, có khung hình phạt từ mười hai đến hai mươi năm tù, tù chung thân hoặc tử hình và phạm vào điểm a, b khoản 2 Điều 116 Bộ luật Hình sự năm 1999 có khung hình phạt từ ba năm đến bảy năm.

Thực tiễn xét xử đối với trường hợp hiếp dâm trẻ em từ đủ 06 tuổi đến chưa đủ 13 tuổi đã được Thông tư liên tịch số 01/1998/TTLT/TATC-VKSTC-BNV ngày 02/01/1998 của Bộ nội vụ - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn tại điểm a, c khoản 3 phải xử phạt ở mức cao trong khung hình phạt tù 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình.

Trên cơ sở đó, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh đã Kháng nghị một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 54/2017/HSST ngày 08/11/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông về hình phạt đối với bị cáo Lang Thanh Duẩn. Đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng tăng mức hình phạt tù đối với bị cáo Lang Thanh Duẩn về các tội “Hiếp dâm trẻ em” và “Dâm ô đối với trẻ em”.

Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh đã được Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận, sửa án sơ thẩm tăng hình phạt đối với bị cáo Lang Thanh Duẩn 20 năm tù, về tội “Hiếp dâm trẻ em” và 6 năm tù, về tội “Dâm ô đối với trẻ em”, tổng hợp hình phạt đối với bị cáo là 26 năm tù.

c) Kháng nghị cho hưởng án treo không đúng quy định của pháp luật

Qua kiểm sát các Bản án, quyết định sơ thẩm, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh đã phát hiện nhiều trường hợp Tòa án sơ thẩm cho hưởng án treo không đúng quy định của pháp luật, Viện Cấp cao 3 đã kịp thời kháng nghị phúc thẩm. Điển hình:

+ Vụ Võ Văn Thành, về tội "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ".

Bản án hình sự sơ thẩm số:15/2018/HS-ST ngày 24/04/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, điếm đ khoản 2 Điều 260 Bộ Luật hình sự, xử phạt bị cáo Võ Văn Thành 03 (ba) năm tù, nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án.

Xét thấy, Hành của bị cáo Võ Văn Thành là rất nguy hiểm cho xã hội, bị cáo biết việc điều khiển xe ô tô là nguồn nguy hiểm cao độ, tham gia giao thông đã vi phạm luật giao thông đường bộ, lấn trái đường gây hậu quả rất nghiêm trọng, làm chết 02 người, bị thương hai người và làm hư hỏng, thiệt hại một số tài sản (vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật giao thông đường bộ). Theo tài liệu, chứng cứ thu thập được thì lỗi hoàn toàn do bị cáo gây ra. Với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, hậu quả nghiêm trọng đã gây ra, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xử phạt bị cáo Võ Văn Thành 03 (ba) năm tù và còn cho hưởng án treo là nhẹ, không đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, không có tác dụng giáo dục, răn đe, phòng ngừa, làm giảm niềm tin của nhân dân đối với sự nỗ lực của các cơ quan quản lý Nhà nước trong lập lại trật tự an toàn giao thông đường bộ hiện nay.

Viện kiểm sát nhân dân cấp cao đã ban hành kháng nghị phúc thẩm đối với bị cáo Võ Văn Thành; Đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm, theo hướng tăng hình phạt đối với bị cáo Võ Văn Thành và không cho bị cáo hưởng án treo.

Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh đã được Tòa án nhân dân cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh chấp nhận toàn bộ.

d) Kháng nghị do cấp sơ thẩm điều tra không đầy đủ, toàn diện

+ Điển hình như vụ Nguyễn Minh Hùng, Võ Mạnh Cường và các đồng phạm (09 bị cáo) về tội Buôn lậu và tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức theo Điều 153 và Điều 267 BLHS (vụ VN Pharma).

Bản án hình sự sơ thẩm số 306/2017/HSST ngày 25/8/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đã áp dụng điểm a khoản 4 Điều 153 BLHS năm 1999, xử các bị cáo Nguyễn Minh Hùng 12 năm tù, Võ Mạnh Cường 12 năm tù... về tội “Buôn lậu và Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Xét thấy, Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt đối với các bị cáo về tội Buôn lậu và Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức là chưa đầy đủ, toàn diện và chưa phản ánh đúng bản chất vụ án có dấu hiệu bỏ lọt hành vi phạm tội và người phạm tội, từ đó dẫn đến hình phạt đã tuyên đối với các bị cáo là quá nhẹ, không tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội đã thực hiện, gây dư luận bất bình trong nhân dân. Mặt khác, vụ án còn nhiều vấn đề, cần được điều làm rõ nhằm xử lý toàn diện, đúng người, đúng tội, đảm bảo tính nghiêm minh, tạo lòng tin trong quần chúng nhân dân.

Từ những cơ sở nêu trên, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh đã ban hành kháng nghị phúc thẩm số 20/QĐ-VC3-V1 ngày 22/9/2017 đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án trên theo hướng hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại theo thủ tục chung.

Kháng nghị trên đã được Tòa án nhân dân cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh chấp nhận và hủy toàn bộ án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại theo quy định của

pháp luật.

đ) Kháng nghị do không áp dụng quy định có lợi cho người bị buộc tội trong bộ luật hình sự và Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015

Quốc hội khóa XIII đã ban hành Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 về việc lùi hiệu lực thi hành của Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13, Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13... và bổ sung dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 vào chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2016.

Tại khoản 3 Điều 1 của Nghị quyết này quy định: *“Tiếp tục áp dụng Bộ luật Hình sự số 15/1999/QH10 (được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2009/QH12); Bộ luật tố tụng hình sự số 19/2003/QH11; cho đến ngày Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 có hiệu lực thi hành.”*

Tại điểm b khoản 4 Điều 1 của Nghị quyết 144/2016/QH13 có quy định: *“Áp dụng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự số 101/2015/QH13 để thi hành các quy định có lợi cho người phạm tội của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 và Nghị quyết số 109/2015/QH13 tại điểm a khoản này;”*.

Theo những quy định này, trong quá trình giải quyết vụ án hình sự hiện nay, các cơ quan tiến hành tố tụng phải đồng thời áp dụng quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS) năm 2003 và những quy định có lợi cho người bị buộc tội quy định trong BLTTHS năm 2015. Tuy nhiên, thực tiễn xét xử cho thấy, có nhiều Bản án cấp sơ thẩm chưa áp dụng quy định có lợi cho người bị buộc tội, dẫn đến quyền lợi của họ bị xâm hại. Điển hình:

+ Vụ Lê Bích Tuyền, phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2017/HSST ngày 07/02/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau áp dụng điểm b khoản 3 Điều 194 BLHS 1999, xử phạt bị cáo Lê Bích Tuyền 16 năm tù, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xét thấy, Bị cáo Lê Bích Tuyền đã có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy tổng trọng lượng là 36,1573 gam Heroin, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 194 BLHS năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 có khung hình phạt tù từ 15 năm đến 20 năm. Tuy nhiên, Nghị quyết 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015; Nghị quyết 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội; Khoản 3 Điều 7 BLHS năm 2015 và Công văn số 276/TANDTC-PC ngày 13/9/2016 của Tòa án nhân dân tối cao thì mặc dù Bộ luật hình sự năm 2015 chưa có hiệu lực thi hành, nhưng các quy định có lợi cho người phạm tội được áp dụng đối với hành vi phạm tội đã thực hiện trước khi điều luật đó có hiệu lực thi hành. Đối chiếu vụ án trên cho thấy: Bị cáo phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” có trọng lượng Heroin thuộc tình tiết định khung tại khoản 3 Điều 249 BLHS 2015 có khung hình phạt tù từ 10 năm đến 15 năm, thấp hơn khoản 3 Điều 194 BLHS năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 (có khung hình phạt tù từ 15 năm đến 20 năm). Án sơ thẩm khi xét xử bị cáo Tuyền đã không áp dụng quy định trên và xử phạt bị cáo 16 năm tù, vượt cả mức cao nhất của khoản 3 Điều 249 BLHS 2015, không đúng tinh thần Nghị quyết 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015; Nghị quyết 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội; Khoản 3 Điều 7 BLHS năm 2015 và Công văn số 276/TANDTC-PC ngày 13/9/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, gây bất lợi cho bị cáo.

Trên cơ sở đó, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao Kháng nghị một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2017/HSST ngày 07/02/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau. Đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng quyết định hình phạt tù đối với bị cáo Lê Bích Tuyền về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” được quy định tại khoản 3 Điều 249 BLHS 2015, theo hướng dẫn của Nghị quyết 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015; Nghị quyết 144/2016/QH13 ngày

29/6/2016 của Quốc hội; Khoản 3 Điều 7 BLHS năm 2015 và Công văn số 276/TANDTC-PC ngày 13/9/2016 của Tòa án nhân dân tối cao.

Kháng nghị trên đã được Tòa án nhân dân cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh chấp nhận, sửa án sơ thẩm và tuyên phạt bị cáo Tuyên 12 năm tù.

e) Kháng nghị do khác nhau về quan điểm, về nhận định, đánh giá chứng cứ buộc tội.

Diễn hình: Vụ Trần Thị Huyền Vân cùng đồng bọn phạm tội “Mua bán phép chất ma túy”.

Bản án HSST số 113/2017/HSST ngày 28/03/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, tuyên bố các bị cáo Trần Thị Huyền Vân, phạm tội “Mua bán phép chất ma túy”. *Áp dụng điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 194; khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự*, Xử phạt Trần Thị Huyền Vân tù chung thân.

Sau khi xét xử sơ thẩm, Ngày 11/04/2017, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Kháng nghị phúc thẩm số 13/KNPT-VKS-P1 Kháng nghị một phần Bản án nêu trên, Đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại vụ án theo hướng tăng nặng mức hình phạt từ tù Chung thân lên Tử hình đối với Trần Thị Huyền Vân, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b, khoản 4, Điều 194 Bộ luật hình sự được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại bản án phúc thẩm số 405/2017/PT-HS ngày 28/7/2017 của tòa án nhân dân cấp cao tại TP Hồ Chí Minh nhận định: Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Vân tù chung thân là có căn cứ, phù hợp với tính chất hành vi phạm tội của bị cáo. Bởi lẽ, mặc dù tại Cơ quan điều tra bị cáo Vân có khai đã bán cho bị cáo Báu một bánh heroin vào ngày 28/6/2014 nhưng vật chứng trong vụ án này không thu giữ được. Do đó, không có cơ sở để xác định được trọng lượng heroin mà bị cáo Vân đã bán nên không thể lấy vật chứng phạm tội lần sau là một bánh heroin để làm định lượng cho lần phạm tội trước bởi vì không thể

suy diễn mỗi bánh heroin đều có trọng lượng giống nhau và thức tế không có cơ quan đo lường chất lượng nào quy định về vấn đề này. Do đó, quá trình lượng hình cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá đúng tính chất vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo Vân và xử phạt với mức án tù chung thân là có căn cứ. Cho nên, Hội đồng xét xử không chấp nhận Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Giữ nguyên Quyết định của Bản án sơ thẩm.

Nhận thấy: Cấp phúc thẩm nhận định do không thu giữ được vật chứng của lần phạm tội trước của bị cáo Vân nên không có căn cứ để xác định trọng lượng heroin mà bị cáo Vân đã bán nên tuyên mức án chung thân là không phù hợp với hành vi phạm tội và trái với quy định của Pháp luật. Cụ thể là trái với hướng dẫn tại Thông tư liên tịch 08/2015 ngày 14/11/2015 của Bộ Công an-Viện kiểm sát nhân dân tối cao-Tòa án nhân dân tối cao-Bộ Tư pháp và Công văn số 315/TANDTC-PC ngày 11/12/2015 của Tòa án nhân dân Tối cao về việc thực hiện Thông tư liên tịch 08 sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư liên tịch số 17 nêu rõ: Theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 1 Thông tư liên tịch số 08 thì *“trường hợp không thu được vật chứng là chất ma túy, tiền chất nhưng có căn cứ xác định được trọng lượng chất ma túy, tiền chất mà người phạm tội đã mua bán, vận chuyển, tàng trữ hoặc chiếm đoạt thì người phạm tội bị truy cứu trách nhiệm hình sự về các tội danh và điều khoản tương ứng”*. Do đó, khi thụ lý giải quyết các vụ án không thu giữ được vật chứng là chất ma túy, tiền chất hoặc đối với trường hợp qua đấu tranh, khai thác người phạm tội đã khai nhận về hành vi phạm tội trước đó mà không có vật chứng thì không đặt ra yêu cầu phải giám định hàm lượng chất ma túy trong những trường hợp này (vì không có tang vật để giám định) mà Tòa án căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án (như lời khai nhận tội của bị cáo, lời khai của các đồng phạm khác, lời khai người làm chứng và các chứng cứ khác),

kết luận của Cơ quan điều tra, quan điểm buộc tội của Viện kiểm sát và kết quả tranh tụng tại phiên tòa để xét xử, kết án các bị cáo theo các tội danh và điều khoản tương ứng. Trong vụ án này, lời khai của Trần Thị Huyền Vân và Lê Ngọc Báu phù hợp với nhau và phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, có đủ cơ sở xác định Trần Thị Huyền Vân phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” đối với khối lượng ma túy là 710,64 loại heroin, thuộc trường hợp Hêrôin hoặc Côcain có trọng lượng từ một trăm gam trở lên; tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 4 điều 194 Bộ luật hình sự 1999.

Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Viện kiểm sát nhân tối cao (Vụ 7) báo cáo Lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân tối cao kháng nghị giám đốc thẩm hủy một phần quyết định của bản hình sự phúc thẩm số 405/2017/HSPT ngày 28/7/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh. Giao hồ sơ về cấp Phúc thẩm để xét xử lại theo hướng chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân TP. Hồ Chí Minh tăng hình phạt tù Chung thân lên Tử hình đối với Trần Thị Huyền Vân, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Đây là một trong số nhiều vụ án mà Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh cũng như Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, thành phố phía Nam kháng nghị phúc thẩm do không thống nhất về quan điểm.

Tóm lại: Thông qua diễn biến tình hình tội phạm và tình hình kháng nghị phúc thẩm án hình sự trong những năm qua cho thấy, vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh (Viện Cấp cao 3) là rất quan trọng trong việc bảo vệ tính nghiêm minh của pháp luật và đấu tranh phòng chống tội phạm trên địa bàn. Ngoài việc thực hiện chức năng thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử phúc thẩm đối với các vụ án hình sự có kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm thì Viện Cấp cao 3 còn

thực hiện nhiệm vụ kiểm sát các bản án, quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật của Tòa án thuộc 23 tỉnh thành phía Nam. Thông qua công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát bản án, quyết định sơ thẩm, Viện Cấp cao 3 đã phát hiện nhiều vi phạm pháp luật nghiêm trọng, kịp thời ban hành nhiều kháng nghị phúc thẩm, kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền, các tổ chức, cá nhân có liên quan khắc các vi phạm, ra thông báo rút kinh nghiệm đối với các trường hợp có vi phạm trong việc áp dụng pháp luật, báo cáo đề nghị Viện kiểm sát nhân dân tối cao kháng nghị theo trình tự giám đốc thẩm đối với các trường hợp bản án sơ thẩm đã hết thời hạn kháng nghị phúc thẩm, hoặc bản án phúc thẩm có vi phạm nghiêm trọng, qua đó góp phần bảo vệ pháp luật, ổn định tình hình an ninh trật tự trên địa bàn và đem lại niềm tin đối với Đảng và nhân dân.

2.2. Nguyên nhân của những kết quả đạt được

Những kết quả đạt được trong công tác kháng nghị phúc thẩm do nhiều nguyên nhân, trước hết là những quy định cụ thể của Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân và BLTTHS là cơ sở pháp lý quan trọng để Viện kiểm sát các cấp thực hiện quyền kháng nghị phúc thẩm hình sự, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã kịp thời ban hành các Chỉ thị số 03, 08 định hướng những nội dung, giải pháp quan trọng cho công tác kháng nghị phúc thẩm hình sự của toàn Ngành, tạo được sự chuyển biến mạnh mẽ, tích cực cả về nhận thức và hoạt động của cán bộ, Kiểm sát viên, Lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân các cấp đối với công tác này. Chính vì vậy, vai trò, trách nhiệm của Lãnh đạo trong quản lý, chỉ đạo điều hành công tác kháng nghị được nâng cao, ngày càng chặt chẽ, sâu sát hơn, kháng nghị phúc thẩm được xác định đúng vị trí là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp nên được đầu tư mạnh mẽ cả về nhân lực và cơ sở vật chất, thực hiện theo hướng chuyên sâu từng lĩnh vực,

khoa học hơn, cùng với công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử tại phiên tòa thì hoạt động kiểm sát bản án, quyết định sơ thẩm của Tòa án làm cơ sở để thực hiện việc kháng nghị phúc thẩm được Viện kiểm sát cấp cao quan tâm thực hiện, thường xuyên đôn đốc Tòa án cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh chuyển giao bản án và quyết định sơ thẩm cho Viện kiểm sát theo quy định tại Điều 229 của BLTTHS. Qua công tác kiểm sát bản án, quyết định đã ban hành kiến nghị yêu cầu Tòa án khắc phục vi phạm về thời hạn gửi bản án sơ thẩm, thực hiện tốt hoạt động kiểm sát bản án sơ thẩm và sao gửi bản án chuyển Viện Cấp cao 3 để nghiên cứu xem xét thực hiện quyền kháng nghị phúc thẩm trên cấp; Viện Cấp cao 3 đã chủ động đề ra các giải pháp nhằm thực hiện tốt hoạt động kiểm sát bản án sơ thẩm trong khu vực như phân công Kiểm sát viên phụ trách các địa bàn, chú trọng lựa chọn địa bàn trọng điểm, có nhiều án sơ thẩm bị hủy, sửa để tập trung theo dõi, đồng thời phân công kiểm sát bản án theo hướng chuyên sâu trong từng lĩnh vực như kinh tế, chức vụ, trị an... lập hộp thư điện tử để các Viện kiểm sát tỉnh, thành chuyển file bản án nhằm rút ngắn thời gian và giảm chi phí trong việc sao gửi bản án, giúp Viện Cấp cao 3 có đủ thời gian nghiên cứu và kịp thời ban hành kháng nghị, khắc phục được tình trạng bản án sơ thẩm gửi đến nhưng không đủ thời gian nghiên cứu kháng nghị phúc thẩm trên cấp. Bên cạnh đó, Lãnh đạo nhiều đơn vị đã chú trọng phân công cán bộ, Kiểm sát viên có năng lực, sở trường, kỹ năng thực hiện công tác này, thường xuyên kiểm tra, chỉ đạo thực hiện đầy đủ các yêu cầu của các quy chế nghiệp vụ, đồng thời còn chủ động tổ chức hội nghị rút kinh nghiệm, tổng kết thực tiễn, tập huấn nghiệp vụ về kháng nghị phúc thẩm án hình sự; Cán bộ, Kiểm sát viên thực hiện nhiệm vụ với tinh thần tự giác, trách nhiệm, không ngừng nỗ lực phấn đấu học tập, tích lũy kinh nghiệm, nâng cao năng lực công tác để đáp ứng được các yêu cầu của Chỉ thị.

Mối quan hệ phối hợp giữa Viện Cấp cao 3 với Viện kiểm sát nhân dân các tỉnh, thành trong khu vực ngày càng chặt chẽ, một số đơn vị đã chủ động trao đổi thông tin, thỉnh thị xin ý kiến Viện Cấp cao 3 trước khi ban hành kháng nghị, nhất là đối với các vụ án phức tạp, qua đó góp phần nâng cao chất lượng kháng nghị. Viện Cấp cao 3 cũng thực hiện nghiêm túc trách nhiệm trả lời yêu cầu thỉnh thị, hướng dẫn nghiệp vụ, các văn bản trả lời thỉnh thị kịp thời, cụ thể, định hướng rõ các nội dung, căn cứ pháp luật cần viện dẫn, đồng thời phối hợp chặt chẽ với Viện kiểm sát địa phương xác minh, thu thập bổ sung, đánh giá chứng cứ trong giai đoạn tiền kháng nghị và trong hoạt động bảo vệ kháng nghị phúc thẩm. *Điển hình là phối hợp giữa Viện Cấp cao 3 và Viện kiểm sát TP. Hồ Chí Minh trong kháng nghị phúc thẩm vụ án Lại Văn Hoài cùng đồng bọn bị truy tố về tội “Giết người”, Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh xét xử tuyên bị cáo Lại Văn Hoài cùng đồng bọn phạm tội “Cố ý gây thương tích”, ngay sau khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm, Viện kiểm sát TP. Hồ Chí Minh đã kịp thời, phối hợp chặt chẽ và cung cấp tài liệu cho Viện Cấp cao 3 để cùng nghiên cứu kháng nghị, Viện Cấp cao 3 tổ chức, phân công Kiểm sát viên có kinh nghiệm nghiên cứu và ban hành kháng nghị phúc thẩm đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh sửa án sơ thẩm theo hướng tuyên phạt Lại Văn Hoài cùng đồng bọn phạm tội “Giết người” đồng thời tăng hình phạt đối với các bị cáo. Do có sự phối hợp chặt chẽ nên đã mang lại kết quả rất tốt, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm tuyên chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tạo TP. Hồ Chí Minh tuyên phạt Lại Văn Hoài cùng đồng bọn phạm phạm tội “Giết người” đồng thời tăng hình phạt đối với các bị cáo.*

Thông qua công tác kháng nghị đã khắc phục được nhiều vi phạm pháp luật của Tòa án cấp sơ thẩm, bảo đảm việc giải quyết các vụ án hình sự đúng

pháp luật, nghiêm minh, góp phần bảo đảm cho việc xét xử của Tòa án đúng pháp luật, không để lọt tội phạm và không làm oan người vô tội, hoàn thành tốt các chỉ tiêu, nhiệm vụ của Quốc hội và của Ngành giao.

Những kết quả đạt được trong công tác kháng nghị phúc thẩm án hình sự đã góp phần khẳng định được vai trò của ngành Kiểm sát nói chung và của viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh nói riêng trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, bảo đảm pháp chế, bảo đảm việc chấp hành pháp luật của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, nhất là thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ quyền con người, quyền công dân theo tinh thần của Hiến pháp và yêu cầu cải cách tư pháp, nhiều kháng nghị thể hiện tinh thần đấu tranh kiên quyết, không khoan nhượng với tội phạm, đảm bảo việc xét xử nghiêm minh, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, đồng thời cũng có những kháng nghị thâm nhuần tính nhân văn, tinh thần nhân đạo, vì công bằng, lẽ phải đã tạo lòng tin ngày càng vững chắc của nhân dân, của Đảng, Nhà nước đối với Ngành Kiểm sát.

2.3. Những tồn tại, vướng mắc trong kháng nghị phúc thẩm hình sự và nguyên nhân

2.3.1. Việc kiểm sát bản án của Tòa án cùng cấp và cấp dưới chưa chặt chẽ, đầy đủ

Công tác kiểm sát bản án là khâu quan trọng sau khi xét xử, nếu phát hiện các vi phạm kịp thời kháng nghị để khắc phục nhằm làm cho việc xét xử khách quan, đúng quy định pháp luật, bản án ban hành có giá trị thi hành. Nếu thực hiện tốt công tác kiểm sát bản án để phát hiện vi phạm kháng nghị sẽ làm cho quyền năng đặc biệt của VKS được phát huy.

Trong các nguồn kháng nghị phúc thẩm của Viện Cấp cao 3 thì hoạt động kiểm sát bản án sơ thẩm là chủ yếu, trong khi việc sao gửi án văn sơ thẩm của Viện kiểm sát tỉnh, thành cho Viện Cấp cao 3 không đầy đủ, chưa

đảm bảo đúng thời hạn quy định, nhưng Viện Cấp cao 3 cũng chưa thực hiện tốt việc kiểm tra thực tế, đơn đốc để yêu cầu các đơn vị khắc phục dẫn đến nhiều bản án sơ thẩm sao gửi nhưng khi nhận được thì đã hết thời hạn kháng nghị phúc thẩm. Bên cạnh đó, hoạt động kiểm sát bản án hình sự sơ thẩm ngay tại Viện Cấp cao 3 cũng còn hạn chế làm ảnh hưởng đến việc ban hành kháng nghị phúc thẩm, những hạn chế này cũng chưa được khắc phục kịp thời để thực hiện tốt hơn, đồng thời cũng chưa làm hết trách nhiệm của Viện kiểm sát cấp trên trong việc tổng hợp vi phạm về thời hạn gửi bản án sơ thẩm của Tòa án 23 tỉnh, thành trong khu vực phía Nam để đề nghị Viện kiểm sát nhân dân tối cao kiến nghị Tòa án tối cao có chỉ đạo chấn chỉnh kịp thời.

2.3.2. Số kháng nghị phúc thẩm bị rút hoặc không được Tòa án chấp nhận còn chiếm tỷ lệ cao

Theo số liệu thống kê, trong gần 04 năm (2015 đến tháng 5/2018), Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh đã ban hành kháng nghị phúc thẩm tổng số 46 vụ/109 bị cáo. Kết quả giải quyết án phúc thẩm có kháng nghị, Viện Cấp cao 3 đã rút kháng nghị 02 vụ/ 03 bị cáo, Tòa án cấp cao xét xử chấp nhận kháng nghị 29 vụ/ 58 bị cáo và không chấp nhận kháng nghị 04 vụ/ 17 bị cáo (Đính kèm biểu mẫu). Như vậy, tỷ lệ kháng nghị bị rút và không được Tòa án chấp nhận còn cao. Lý do rút kháng nghị hoặc Tòa án không chấp nhận kháng nghị vì kháng nghị không có căn cứ hoặc căn cứ không vững chắc dẫn đến không bảo vệ được kháng nghị.

+ *Điển hình vụ Phú Minh Hòa, Đặng Thị Thu Hương phạm tội “Tham ô tài sản; Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”.*

Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2017/HSST ngày 10/02/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đã xử phạt Đặng Thị Thu Hương Cảnh cáo, về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” theo Điều 285 BLHS 1999.

Bản án sơ thẩm trên đã nhận định về hành vi thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng của Đặng Thị Thu Hương như sau:

Viện Cấp cao 3 cho rằng: bị cáo Hương đã có hành vi cố ý thực hiện không đúng chức trách nhiệm vụ được giao, bản thân Hương không phải là cán bộ tín dụng và biết rõ cán bộ tín dụng là Phạm Thị Bích Thủy, nhưng do nể nang Hương đã cố tình ký vào hồ sơ với tư cách là cán bộ tín dụng để hợp pháp hóa 04 bộ hồ sơ tín dụng do Quang đưa, dẫn tới việc Quang lợi dụng chiếm đoạt 3,7 tỉ đồng của ngân hàng Agribank. Hành vi nêu trên của Đặng Thị Thu Hương đã phạm vào tội cố ý làm trái quy định của nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng. Bản án sơ thẩm xét xử Hương về tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng theo Điều 285 BLHS là không phù hợp với hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện và không đúng pháp luật hình sự.

Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh đã ban hành kháng nghị phúc thẩm, đề nghị xét xử bị cáo Đặng Thị Thu Hương, về tội Cố ý làm trái quy định của nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng và áp dụng hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, do không có đủ cơ sở kết luận bị cáo Đặng Thị Thu Hương, phạm tội “Cố ý làm trái quy định của nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng” nên Kiểm sát viên đã rút một phần kháng nghị về tội danh đối với bị cáo Đặng Thị Thu Hương. Việc rút kháng nghị trên đã được Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.3.3. Công tác bảo vệ kháng nghị chưa được thực hiện tốt

Bảo vệ kháng nghị phúc thẩm là một trong những hoạt động có ý nghĩa quan trọng quyết định đến kết quả kháng nghị của Viện kiểm sát có được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận hay không, mặc dù những năm gần đây

hoạt động này có nhiều cố gắng, tuy nhiên so với yêu cầu thì công tác bảo vệ kháng nghị phúc thẩm vẫn còn một số tồn tại, hạn chế nhất định.

Trong gần 04 năm (2015 đến tháng 5/2018), Tòa án cấp cao xử phúc thẩm đã bác 70 vụ/ 126 bị cáo có kháng nghị phúc thẩm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc phía Nam và kháng nghị phúc thẩm của Viện Cấp cao 3. Việc Tòa án cấp cao không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát ngoài chất lượng kháng nghị chưa đủ căn cứ vững chắc thì cũng có một số trường hợp xuất phát từ tồn tại, hạn chế về năng lực của Kiểm sát viên, từ hoạt động chỉ đạo, điều hành của Lãnh đạo Viện Cấp cao 3 trong thực hiện công tác này.

Việc rút kháng nghị của Viện Cấp cao 3 và của Viện kiểm sát tỉnh, thành thời gian qua là do kháng nghị thiếu căn cứ hoặc có phát sinh tình tiết mới sau kháng nghị. Tuy nhiên, cũng có trường hợp rút kháng nghị chưa chính xác, không thuyết phục. Điển hình năm 2015, Viện Cấp cao 3 rút toàn bộ kháng nghị phúc thẩm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận đối với vụ án Nguyễn Thị Lan Anh phạm tội “*Tham ô tài sản*”. Bị cáo Lan Anh chỉ bị khởi tố, truy tố về tội “*Tham ô tài sản*”, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm khi xét xử lại tuyên xử bị cáo phạm hai tội “*Tham ô tài sản*” và “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, trong khi tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” không được Cơ quan điều tra khởi tố và Viện kiểm sát không truy tố là vi phạm về giới hạn xét xử quy định tại Điều 196 Bộ luật tố tụng hình sự. Sau khi bị rút kháng nghị Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận đã ban hành văn bản gửi Viện Cấp cao 3 đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm đối với bản án sơ thẩm nêu trên. Xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát tỉnh Ninh Thuận là có căn cứ nên Viện Cấp cao 3 đã ban hành quyết định kháng nghị giám đốc thẩm đối với bản án sơ thẩm như nội dung kháng nghị phúc thẩm trước đó Viện kiểm sát tỉnh đã ban hành.

Bên cạnh đó, Viện Cấp cao 3 cũng chưa làm hết trách nhiệm trong công tác bảo vệ kháng nghị phúc thẩm của Viện kiểm sát cấp dưới, bởi có nhiều kháng nghị phúc thẩm của Viện kiểm sát cấp dưới có căn cứ đã được Viện Cấp cao 3 bảo vệ và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận, nhưng khi Tòa án cấp cao không chấp nhận kháng nghị thì Viện Cấp cao 3 chưa nghiên cứu, phân tích, đánh giá về việc Tòa án cấp cao bác kháng nghị là đúng hay sai để rút kinh nghiệm hoặc báo cáo Viện kiểm sát nhân dân tối cao xem xét kháng nghị giám đốc thẩm đối với bản án phúc thẩm để bảo vệ đến cùng quan điểm kháng nghị.

2.3.4. Nguyên nhân tồn tại của công tác kháng nghị

2.3.4.1 Nguyên nhân khách quan

Một số điều luật của Bộ luật hình sự quy định không cụ thể, nhất là dấu hiệu cấu thành tội phạm của một số tội không rõ ràng, một số tội mà trong cấu thành tội phạm lại có dấu hiệu cấu thành một tội phạm độc lập khác hoặc hành vi khách quan của nhiều tội phạm tương tự nhau nên ranh giới để xác định giữa có tội hay không có tội hoặc giữa tội này với tội khác là rất khó xác định trong thực tiễn. Trong khi đó, việc hướng dẫn áp dụng pháp luật, giải thích luật của cơ quan có thẩm quyền còn chậm, không kịp thời, nội dung hướng dẫn thiếu cụ thể, công tác hệ thống hóa, pháp điển hóa văn bản quy phạm pháp luật cũng chưa được quan tâm đúng mức... Chính vì vậy, việc áp dụng pháp luật hình sự trong thực tiễn gặp không ít khó khăn, cá biệt có trường hợp nhận thức về luật của các cơ quan tiến hành tố tụng Trung ương khác nhau dẫn đến quan điểm giải quyết vụ án trái ngược nhau, điển hình như vấn đề giám định hàm lượng chất ma túy tại Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 24/12/2007 và số 08/2015 TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 14/11/2015 là không cụ thể, không rõ ràng đã dẫn đến quan điểm trái ngược giữa ngành Tòa án và

Viện kiểm sát, nhưng vướng mắc này liên ngành tư pháp Trung ương không kịp thời giải quyết, chính là nguyên nhân mà Tòa án cấp cao xử phúc thẩm bác kháng nghị, tính đến thời điểm 05/2018 thì có đến 29 bị cáo phạm các tội về ma túy bị Tòa án cấp cao xử phúc thẩm bác kháng nghị. Mặt khác từ khi Bộ luật hình sự 2015 được thông qua nhiều quy định có lợi cho người thực hiện hành vi phạm tội được áp dụng nằm rải rác trong nhiều điều luật của Bộ luật hình sự phải được áp dụng theo yêu cầu các Nghị quyết của Quốc hội, nhưng công tác triển khai, quán triệt, hướng dẫn áp dụng chưa kịp thời, không cụ thể hóa được hết các quy định này, việc nghiên cứu, áp dụng song song cùng lúc Bộ luật hình sự cũ và tinh thần của Bộ luật hình sự mới gây rất nhiều khó khăn, vướng mắc dẫn đến sai sót khi áp dụng trong thực tế. Đây là một trong những nguyên nhân khách quan làm ảnh hưởng đến số lượng kháng nghị phúc thẩm bị bác và tình trạng án sơ thẩm bị hủy, sửa gia tăng trong thời gian qua.

BLTTHS chưa quy định cụ thể các căn cứ để kháng nghị phúc thẩm hình sự nên không tạo được cơ sở pháp lý thống nhất để Viện kiểm sát ban hành kháng nghị và Tòa án giải quyết kháng nghị phúc thẩm, dẫn đến nhiều trường hợp Tòa án cấp phúc thẩm xử bác kháng nghị chưa thuyết phục, vấn đề này tác động rất lớn đến tỷ lệ kháng nghị phúc thẩm được chấp nhận trong thời gian qua, bên cạnh đó nhiều vi phạm trong hoạt động nghị án của Hội đồng xét xử sơ thẩm mà Tòa án cấp phúc thẩm xác định là căn cứ tuyên hủy án như: *Hội đồng xét xử không biểu quyết từng vấn đề giải quyết trong vụ án, nghị án không đúng thành phần Hội đồng xét xử, Hội đồng xét xử không ký tên vào biên bản nghị án, không xử lý vật chứng đã thu giữ, tổng hợp hình phạt không đúng...* nhưng các vi phạm này Viện kiểm sát cấp sơ thẩm không thể phát hiện được vì Bộ luật tố tụng hình sự không quy định rõ quyền của Viện kiểm sát trong kiểm sát nội dung biên bản nghị án sơ thẩm. Do vậy,

Kiểm sát viên không thể đối chiếu, so sánh phần quyết định của bản án sơ thẩm với kết quả nghị án để phát hiện vi phạm thực hiện quyền kháng nghị phúc thẩm. Điển hình như vụ Trần Tuấn Kiệt cùng đồng phạm bị Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử về tội “*Giết người*”, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ kháng nghị đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Thái Văn Sol, nhưng Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm đã hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để xét xử lại bởi bản án hình sự sơ thẩm quyết định xử phạt bị cáo Thái Văn Sol 10 năm tù, bị cáo Nguyễn Công Hậu 08 năm tù, nhưng biên bản nghị án lại ghi nhận Hội đồng xét xử quyết định mức hình phạt đối với bị cáo Thái Văn Sol 08 năm tù, Nguyễn Công Hậu 10 năm tù.

Do chưa rõ ràng tiêu chí thống kê: Một số bản án sơ thẩm bị cấp phúc thẩm sửa án theo hướng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo vì có những tình tiết mới phát sinh trong giai đoạn xét xử phúc thẩm hoặc việc hướng dẫn phương pháp tính chỉ tiêu về số lượng kháng nghị phúc thẩm của Viện kiểm sát cấp trên là căn cứ vào tổng số án sơ thẩm bị cấp phúc thẩm hủy, sửa, nhưng không loại trừ đi số án sơ thẩm bị hủy, sửa mà Viện kiểm sát cấp dưới kháng nghị, để xác định số án hủy, sửa còn lại thuộc về trách nhiệm kháng nghị của Viện kiểm sát cấp trên, dẫn đến tỷ lệ kháng nghị không đạt chỉ tiêu theo quy định của Ngành và của Quốc hội.

Ngoài ra, còn một số nguyên nhân khách quan khác làm ảnh hưởng đến công tác kháng nghị phúc thẩm của Viện kiểm sát trong thời gian qua như tình trạng thiếu biên chế, cơ sở vật chất phục vụ công tác, số lượng, quy mô, tính chất tội phạm ngày càng gia tăng và diễn biến phức tạp, Tòa án cấp sơ thẩm gửi bản án không đúng thời hạn pháp luật quy định...

2.3.4.2 Nguyên nhân chủ quan

- Lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân các cấp chưa nhận thức đầy đủ, toàn diện trách nhiệm người đứng đầu trong công tác kháng nghị

Kháng nghị phúc thẩm án hình sự là một trong những quyền năng pháp lý quan trọng nhằm đảm bảo cho Viện kiểm sát nhân dân thực hiện tốt chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp trong giai đoạn xét xử vụ án, là công cụ đảm bảo pháp chế trong hoạt động xét xử của Tòa án. Tuy nhiên, thời gian qua Lãnh đạo một số đơn vị Viện kiểm sát chưa nhận thức đầy đủ ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác này nên chưa có giải pháp quyết liệt trong thực hiện Chỉ thị số 08 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao về tăng cường công tác kháng nghị phúc thẩm án hình sự như chưa kiên quyết kiến nghị Tòa án cùng cấp khắc phục vi phạm về thời hạn gửi bản án hình sự sơ thẩm cho Viện kiểm sát; thiếu kiểm tra, theo dõi đầy đủ kết quả xét xử phúc thẩm các vụ án hình sự; việc sao gửi bản án hình sự sơ thẩm cho Viện Cấp cao 3 chưa kịp thời, không đầy đủ nhưng Lãnh đạo Viện kiểm sát một số tỉnh, thành chưa thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, chỉ đạo khắc phục. Đối với Viện Cấp cao 3 tiếp nhận nhiều bản án sơ thẩm đã hết thời hạn kháng nghị phúc thẩm, chưa nắm được tình hình xét xử sơ thẩm của các địa phương nhưng Lãnh đạo Viện chưa kịp thời chỉ đạo xây dựng cơ chế phối hợp với Viện kiểm sát tỉnh, thành trong công tác này. Bên cạnh đó, hoạt động chỉ đạo rút kinh nghiệm về kết quả công tác kháng nghị phúc thẩm cũng chưa được Lãnh đạo Viện kiểm sát hai cấp chỉ đạo thực hiện tốt, trong mối quan hệ phối hợp giữa Viện cấp cao với Viện kiểm sát tỉnh, thành trước khi ban hành kháng nghị và trong hoạt động rút kháng nghị, bảo vệ kháng nghị còn tồn tại nhiều hạn chế nhưng Lãnh đạo Viện kiểm sát hai cấp vẫn chưa quan tâm chỉ đạo khắc phục... Đây là một trong những nguyên nhân dẫn đến

tồn tại trong công tác kháng nghị của nhiều đơn vị, mà trước hết thuộc về trách nhiệm của người đứng đầu.

Một số Lãnh đạo Viện kiểm sát tỉnh, thành chưa thật sự sâu sát, chặt chẽ trong công tác kháng nghị phúc thẩm, chưa có sự đầu tư đúng mức vào công tác này, việc duyệt kháng nghị còn chủ yếu thể hiện trên cơ sở văn bản dự thảo do Kiểm sát viên đề xuất, không kiểm tra kỹ hình thức, nội dung kháng nghị trước khi ký ban hành, một số đơn vị không có bút tích, ý kiến chỉ đạo trực tiếp của Lãnh đạo vào văn bản, mà chỉ được ghi nhận lại qua bút tích của cấp dưới với nội dung là “*Viện trưởng chỉ đạo kháng nghị*”, nhiều kháng nghị không đảm bảo về hình thức lẫn nội dung nhưng Lãnh đạo đơn vị vẫn ký ban hành.

- Kiểm sát viên không thực hiện đúng, đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự, Quy chế của Ngành và còn hạn chế về năng lực thực tiễn.

Bên cạnh một số Kiểm sát viên năng nổ, đam mê, nghiêm túc thực hiện hoạt động nghiên cứu bản án, kịp thời phát hiện vi phạm đề xuất kháng nghị nhiều bản án, thì vẫn còn những Kiểm sát viên thụ động, xem nhẹ hoạt động này, thực hiện nhiệm vụ nhưng trách nhiệm không cao nên không phát hiện được vi phạm đề xuất kháng nghị. Một số Kiểm sát viên khi phát hiện bản án có vi phạm lại không chủ động thực hiện hoạt động thẩm tra toàn diện để xác định đầy đủ vi phạm trong quá trình giải quyết vụ án, mà lại chủ quan tập trung đề xuất kháng nghị về tội danh, khung hình phạt đối với bị cáo, thậm chí có trường hợp Kiểm sát viên chưa có ý thức cao, không làm hết vai trò, trách nhiệm của mình trong thực hiện nhiệm vụ được phân công làm ảnh hưởng đến hiệu quả công tác kháng nghị phúc thẩm của đơn vị.

Theo Quy chế nghiệp vụ và hệ thống chỉ tiêu cơ bản đánh giá kết quả công tác nghiệp vụ trong ngành Kiểm sát việc kiểm sát, sao gửi bản án sơ

thẩm cho Viện kiểm sát cấp trên phải đúng thời hạn 100% để đảm bảo thời hạn kháng nghị phúc thẩm trên cấp đối với bản án, tình hình sao gửi án văn quá hạn làm ảnh hưởng nhiệm vụ kháng nghị là thuộc về trách nhiệm của Kiểm sát viên được phân công thực hiện công tác này. Tuy nhiên, thời gian qua, vẫn còn nhiều bản án sơ thẩm không có phiếu kiểm sát bản án, sao gửi không đúng thời hạn quy định, làm ảnh hưởng rất nhiều đến công tác kháng nghị phúc thẩm của Viện Cấp cao 3, nhiều bản án sơ thẩm vi phạm nhưng khi nhận được bản án thì không đủ thời gian để nghiên cứu xem xét kháng nghị hoặc đã hết thời hạn kháng nghị phúc thẩm trên cấp. Đối với Viện Cấp cao 3, vẫn còn một số Kiểm sát viên thụ động, tinh thần, trách nhiệm chưa cao trong thực hiện hoạt động phụ trách địa bàn được phân công nên không nắm được tình hình giải quyết án hình sự sơ thẩm, cũng như kết quả bảo vệ kháng nghị phúc thẩm của Viện kiểm sát các tỉnh, thành do mình phụ trách, bên cạnh đó trước thực trạng vi phạm về việc sao gửi bản án sơ thẩm của địa phương nhưng Kiểm sát viên cũng không chủ động nghiên cứu đề xuất với Lãnh đạo đơn vị giải pháp để khắc phục. Trong thực hiện nhiệm vụ thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm án hình sự ở Viện Cấp cao 3 cũng còn không ít Kiểm sát viên thực hiện không đúng Quy chế nghiệp vụ của Ngành thể hiện như: Không chuẩn bị dự thảo đề cương xét hỏi để bảo vệ kháng nghị, không tập trung xét hỏi những vấn đề liên quan đến việc bảo vệ kháng nghị, không ghi đầy đủ nội dung diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm... Điển hình như vụ án Ngô Văn Tám bị cấp sơ thẩm xét xử về tội “*Có ý gây thương tích*”, Viện Cấp cao 3 kháng nghị phúc thẩm chuyển sang tội danh “*Giết người*”, nhưng qua kiểm tra hồ sơ kiểm sát xét xử phúc thẩm từ cán bộ nghiên cứu đến Kiểm sát viên được phân công tham gia phiên tòa phúc thẩm không chuẩn bị đề cương xét hỏi, không chuẩn bị nội dung tranh luận để bảo vệ kháng nghị.

Trình độ chuyên môn, năng lực của một số Kiểm sát viên còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu của nhiệm vụ được phân công, chưa nắm vững các văn bản pháp luật hình sự, tố tụng hình sự, các văn bản pháp luật có liên quan, thiếu kỹ năng, kinh nghiệm trong việc nghiên cứu hồ sơ, kỹ năng nghiên cứu, nhận diện, xác định vi phạm của bản án, cũng như kinh nghiệm trong hoạt động kiểm tra, đánh giá, sử dụng chứng cứ, nên không thể phát hiện được vi phạm, đánh giá đúng mức độ vi phạm trong quá trình giải quyết vụ án của cấp sơ thẩm để tham mưu, đề xuất kháng nghị. *Điển hình như vụ Nguyễn Thanh Tùng phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh căn cứ vào kết quả định giá xe mô tô là 30 triệu đồng làm căn cứ xác định Tùng đã thu lợi bất chính từ việc mua xe do phạm tội mà có để tuyên buộc Tùng nộp số tiền này tịch thu sung quỹ Nhà Nước là không đúng, bởi xe mô tô đã được thu hồi trả lại cho bị hại, Tùng không thu lợi bất chính ba mươi triệu đồng như án sơ thẩm nhận định, nhưng Kiểm sát viên được phân công giải quyết vụ án không phát hiện được vi phạm của bản án đề xuất kháng nghị phúc thẩm, Viện Cấp cao 3 đã kháng nghị giám đốc thẩm đối với vi phạm này và được Tòa án cấp cao chấp nhận toàn bộ kháng nghị.*

- Quan hệ phối hợp giữa Viện Cấp cao 3 và Viện kiểm sát các tỉnh, thành trong công tác kháng nghị chưa được thực hiện tốt

Phối hợp trong công tác kháng nghị giữa Viện Cấp cao 3 và Viện kiểm sát tỉnh, thành là một trong những yếu tố quan trọng để nâng cao hiệu quả công tác kháng nghị phúc thẩm, thời gian qua mối quan hệ này đã được Viện kiểm sát hai cấp chú trọng, tăng cường, tuy nhiên Viện Cấp cao 3 là cấp kiểm sát mới được thành lập, các thể chế, quy chế hoạt động chưa được hoàn thiện, chưa đầy đủ nên mối quan hệ phối hợp với Viện kiểm sát địa phương trong thực hiện công tác kháng nghị phúc thẩm cũng chưa thật sự chặt chẽ, vẫn còn

nhiều hạn chế, một số hoạt động phối hợp của Viện kiểm sát hai cấp trong thực hiện công tác kháng nghị phúc thẩm chưa tốt, cụ thể như:

Quan hệ phối hợp giữa Viện kiểm sát tỉnh, thành với Viện Cấp cao 3 trong giai đoạn tiền kháng nghị, nhất là các trường hợp kháng nghị các vụ án phức tạp, nghiêm trọng, những vụ án mà quan điểm giữa các cơ quan tiến hành tố tụng ở địa phương hoặc giữa các Ngành tố tụng chưa thống nhất, theo số liệu báo cáo thì có rất ít đơn vị thực hiện hoạt động trao đổi thông tin với Viện Cấp cao 3 trước khi ban hành kháng nghị, trong số 218 kháng nghị phúc thẩm Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh ban hành, chỉ có 04 kháng nghị Viện kiểm sát cấp tỉnh có trao đổi trước với Viện Cấp cao 3. Đặc biệt qua công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm các vụ án hình sự thấy rằng có nhiều vụ án mà tính chất hành vi phạm tội rất nghiêm trọng, vụ án phức tạp nhưng khi ban hành kháng nghị Viện kiểm sát tỉnh, thành không trao đổi trước với Viện Cấp cao 3. *Điển hình như kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đối với bị cáo Phạm Xuân Hòa bị Tòa tuyên phạm tội “Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới”, trong vụ án có quan điểm khác nhau giữa các cơ quan tiến hành tố tụng, thậm chí ngay trong nội bộ cũng có hai quan điểm trái ngược nhau giữa Phòng nghiệp vụ với Lãnh đạo Viện, Ủy ban kiểm sát cũng có hai luồng quan điểm trái ngược nhau về việc bị cáo phạm tội “Buôn lậu” hay “Kinh doanh trái phép” hay “Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới”, nhưng qua nghiên cứu hồ sơ kiểm sát do đơn vị gửi đến cho thấy đơn vị không trao đổi trước với Viện Cấp cao 3 trước khi ban hành kháng nghị về phần tội danh xét xử đối với bị cáo, tuy nhiên căn cứ kháng nghị về tội danh trong vụ án này như quan điểm của Viện kiểm sát TP HCM là không vững chắc, nên Viện Cấp cao 3 rút toàn bộ kháng nghị.*

Viện Cấp cao 3 cũng chưa thực hiện tốt các biện pháp phối hợp với Viện kiểm sát địa phương trong giai đoạn xét xử phúc thẩm như trong việc tiến hành xác minh bổ sung chứng cứ đảm bảo cho việc bảo vệ kháng nghị phúc thẩm, đồng thời khi rút kháng nghị của Viện kiểm sát cấp dưới, đơn vị cũng chưa thực hiện đầy đủ hoạt động trao đổi thông tin với Lãnh đạo Viện kiểm sát tỉnh, thành đã ban hành kháng nghị theo đúng quy định của quy chế nghiệp vụ và Chỉ thị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Tiểu kết Chương 2

Qua thực trạng công tác kháng nghị phúc thẩm trong thời gian qua cho thấy, bên cạnh những kết quả đạt được như đã nêu trên, thì công tác kháng nghị phúc thẩm hình sự vẫn còn một số tồn tại, hạn chế chưa đáp ứng được yêu cầu cải cách tư pháp và đấu tranh, phòng chống tội phạm. Về số lượng, chất lượng kháng nghị chưa cao so với số lượng án bị Tòa án hủy, sửa; Việc kiểm sát bản án, quyết định của tòa án chưa kịp thời, chặt chẽ, chậm phát hiện vi phạm dẫn đến thời hạn kháng nghị phúc thẩm không còn; công tác chỉ đạo kháng nghị và bảo vệ kháng nghị còn chung chung, chưa quyết liệt, chưa có những giải pháp mang tính đột phá; chưa có kế hoạch theo dõi những vụ án lớn, phức tạp về an ninh chính trị, ma túy, kinh tế lớn để kịp thời phát hiện vi phạm ban hành kháng nghị khắc phục vi phạm.

Nguyên nhân của thực trạng này được xác định gồm: Tính thiếu thống nhất của hệ thống pháp luật; cơ cấu tổ chức, năng lực chuyên môn nghiệp vụ còn chưa cao; tư tưởng "dĩ hòa vi quý" giữa Viện kiểm sát và Tòa án.

Để đáp ứng nhu cầu của thời kỳ mới cũng như công tác cải cách tư pháp theo Chỉ thị 03 và Chỉ thị 08 Viện trưởng VKSNDTC, tác giả đã đưa ra một số giải pháp ở Chương 3.

Chương 3

CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG KHÁNG NGHỊ PHÚC THẨM HÌNH SỰ

Từ thực trạng, nguyên nhân tồn tại, hạn chế trong công tác kháng nghị phúc thẩm nêu trên thì phải nâng cao hơn nữa chất lượng, hiệu quả công tác kháng nghị nhằm đáp ứng yêu cầu Nghị quyết của Quốc hội, Chỉ thị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, để đạt được yêu cầu này luận văn đề ra các giải pháp cơ bản và kiến nghị một số nội dung sau:

3.1. Nhóm giải pháp về quản lý, chỉ đạo, điều hành, phối hợp, tổng kết thực tiễn

3.1.1. Nâng cao nhận thức, xác định rõ trách nhiệm trong công tác kháng nghị phúc thẩm, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị

Thời gian qua, có một bộ phận không nhỏ cán bộ, Kiểm sát viên vẫn chưa nhận thức đúng về công tác kháng nghị phúc thẩm nên chưa toàn tâm, toàn ý thực hiện nhiệm vụ được giao, làm cho công tác kháng nghị phúc thẩm còn nhiều hạn chế, chưa đạt hiệu quả theo yêu cầu. Nhận thức đúng về công tác kháng nghị phúc thẩm là định hướng quan trọng để cán bộ, Kiểm sát viên xác định rõ quyền hạn, làm hết trách nhiệm trong thực hiện công tác, đặc biệt là trong vai trò quản lý, chỉ đạo điều hành của Lãnh đạo Viện kiểm sát các cấp. Bên cạnh đó, việc xác định đúng vị trí của công tác kháng nghị phúc thẩm chính là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử vụ án hình sự để có sự đầu tư tương xứng, thì cần phải có nhận thức sâu sắc hơn về mục đích, ý nghĩa, kết quả của công tác này để định hướng cho quá trình triển khai, thực hiện.

Bên cạnh nhận thức thì việc xác định rõ trách nhiệm của cá nhân, tập thể là một yếu tố cũng không kém phần quan trọng để nâng cao hiệu quả công tác kháng nghị, phải xác định rõ trách nhiệm, quy định rõ về hình thức

xử lý đối với từng cá nhân, tập thể trong công tác này, tránh trường hợp chỉ kiểm điểm trước tập thể, không xét thi đua mang tính hình thức như thời gian qua. Hàng năm Viện kiểm sát cấp cao phải tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm công tác kháng nghị, xác định rõ trách nhiệm thuộc về cá nhân, tập thể, hình thức xử lý cụ thể và kết quả tổng kết đánh giá phải được Phòng Tổ chức cán bộ thống kê, theo dõi xác định đây là một trong những tiêu chí quan trọng đánh giá về năng lực chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp của cán bộ, Kiểm sát viên khi lựa chọn đề nghị, xem xét bổ nhiệm, bổ nhiệm lại chức danh pháp lý, chức vụ Lãnh đạo đơn vị và trong việc xem xét, đề nghị khen thưởng đối với tập thể.

3.1.2. Tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo của Lãnh đạo Viện kiểm sát trong công tác kháng nghị

Vai trò, trách nhiệm quản lý, chỉ đạo, điều hành hoạt động nghiệp vụ của Lãnh đạo Viện kiểm sát có ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng, hiệu quả công tác kháng nghị phúc thẩm. Do vậy, việc tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành là một trong những giải pháp quan trọng để nâng cao hiệu quả công tác kháng nghị phúc thẩm của mỗi đơn vị. Trước hết, Lãnh đạo Viện Cấp cao 3 và các Viện kiểm sát tỉnh, thành trong khu vực cần tích cực chỉ đạo công tác kiểm sát chặt chẽ bản án, quyết định sơ thẩm của Tòa án, tình hình gửi án văn sơ thẩm của Tòa án cùng cấp, nếu phát hiện thấy việc gửi bản án không đầy đủ, không đúng thời hạn phải kiên quyết chỉ đạo kiến nghị yêu cầu khắc phục, khi đã thực hiện kiến nghị nhiều lần mà Tòa án cùng cấp vẫn vi phạm thì tổng hợp kiến nghị yêu cầu Tòa án cấp trên chỉ đạo khắc phục hoặc phối hợp với Viện Cấp cao 3 để tổng hợp vi phạm của các Tòa án trong khu vực báo cáo Viện kiểm sát nhân dân tối cao để kiến nghị Tòa án nhân dân tối cao chỉ đạo khắc phục kịp thời, đồng thời nêu rõ những khó khăn, vướng mắc trong lĩnh vực này để các cơ quan Trung ương tháo gỡ hoặc

kiến nghị Quốc hội giải quyết. Lãnh đạo Viện kiểm sát tỉnh, thành cần chỉ đạo khắc phục ngay tình trạng chậm trễ trong việc sao gửi bản án sơ thẩm cho Viện Cấp cao 3, thực hiện nghiêm túc hoạt động kiểm sát, lập phiếu kiểm sát bản án, các phiếu kiểm sát bản án của Kiểm sát viên đều phải có bút tích thể hiện quan điểm cụ thể của Lãnh đạo Viện phụ trách khối. Khi xác định có vi phạm nghiêm trọng trong quá trình giải quyết vụ án đến mức cần kháng nghị thì phải kiên quyết ban hành kháng nghị, không vì tư tưởng nể nang, giữ gìn mối quan hệ mà không kháng nghị làm ảnh hưởng đến hiệu quả công tác này.

Bên cạnh chỉ tiêu về số lượng kháng nghị phúc thẩm phải ban hành, Nghị quyết của Quốc hội, cũng như các Chỉ thị của Viện trưởng Viện kiểm sát tối cao còn đặt ra chỉ tiêu về chất lượng kháng nghị phúc thẩm rất cao, nên Lãnh đạo Viện kiểm sát cần phải tăng cường chỉ đạo thực hiện đạt chỉ tiêu này. Công tác kháng nghị cần phải được chỉ đạo kịp thời, sâu sát, toàn diện, cụ thể, nhằm đảm bảo kháng nghị phúc thẩm khi ban hành phải có căn cứ vững chắc, điều này đặt ra yêu cầu đối với Lãnh đạo đơn vị là phải hết sức nghiêm túc trong hoạt động duyệt báo cáo đề xuất của Kiểm sát viên: phải trực tiếp đọc báo cáo đề xuất, nghe Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử báo cáo về vụ án, các vi phạm của bản án sơ thẩm, đối với những vụ án khó, phức tạp, Kiểm sát viên báo cáo chưa rõ ràng về căn cứ để quyết định việc kháng nghị thì Lãnh đạo đơn vị phải trực tiếp nghiên cứu hồ sơ trước khi quyết định, khi thấy cần thiết phải trao đổi, xin ý kiến của Ủy ban kiểm sát, Viện kiểm sát cấp trên về việc kháng nghị đối với bản án. Kết quả duyệt báo cáo đề xuất kháng nghị, Lãnh đạo đơn vị phải có bút phê thể hiện cụ thể quan điểm chỉ đạo, nếu đồng ý kháng nghị phải xác định cụ thể từng vi phạm sẽ kháng nghị trong số các vi phạm Kiểm sát viên đề xuất, hướng kháng nghị cụ thể đối với bản án, khi hình thức kháng

ngộ đảm bảo đúng mẫu quy định, kháng nghị xác định rõ mức độ vi phạm của bản án, viện dẫn đầy đủ, đúng căn cứ pháp lý chứng minh thì mới ký ban hành.

Trong công tác bảo vệ kháng nghị phúc thẩm, Lãnh đạo Viện Cấp cao 3 cần chỉ đạo thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, kịp thời các hoạt động xác minh trong giai đoạn phúc thẩm vụ án để có thể bảo vệ một cách tốt nhất kháng nghị phúc thẩm của Viện kiểm sát cấp dưới, khi kháng nghị phúc thẩm của Viện kiểm sát cấp dưới có căn cứ thì phải chỉ đạo kiên quyết bảo vệ đến cùng, ngược lại đối với những kháng nghị của Viện kiểm sát cấp dưới chưa đầy đủ, không có căn cứ vững chắc thì Lãnh đạo càng kiên quyết hơn chỉ đạo thực hiện sửa đổi, bổ sung kháng nghị, rút kháng nghị, đồng thời có thể ban hành kháng nghị phúc thẩm mới để khắc phục vi phạm kháng nghị của cấp dưới. Bên cạnh đó, kết quả kháng nghị phần nào cũng phụ thuộc vào khả năng bảo vệ của Kiểm sát viên tại phiên tòa nên Lãnh đạo Viện Cấp cao 3 cần chú trọng lựa chọn những Kiểm sát viên có năng lực để phân công thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm các vụ án có kháng nghị, đồng thời để khắc phục những hạn chế trong việc phân công bảo vệ kháng nghị thời gian qua thì đối với các vụ án có kháng nghị mà tính chất vụ án phức tạp, đông bị cáo, án dày, Tòa tuyên bị cáo không phạm tội... cần phân công theo hướng thông khâu xuyên suốt trong quá trình giải quyết vụ án cho duy nhất một Kiểm sát viên từ giai đoạn thụ lý vụ án đến giai đoạn bảo vệ kháng nghị, chỉ được phân công lại vụ án cho Kiểm sát viên khác giải quyết khi Kiểm sát viên ban đầu không thể thực hiện được nhiệm vụ. Lãnh đạo đơn vị phải kiểm tra chặt chẽ các hoạt động chuẩn bị của Kiểm sát viên được phân công thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm các vụ án có kháng nghị.

3.1.3. Tổ chức triển khai thực hiện đầy đủ, toàn diện Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014, Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), BLTTHS năm 2015, các đạo luật về tư pháp khác, các Nghị quyết của Quốc hội và Chỉ thị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao về công tác kháng nghị phúc thẩm án hình sự.

Để nâng cao chất lượng công tác kháng nghị phúc thẩm nhằm thực hiện tốt chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử các vụ án hình sự cần phải quán triệt triển khai thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật, Nghị quyết của Quốc hội và Chỉ thị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao về công tác kháng nghị phúc thẩm án hình sự nhằm nâng cao nhận thức, ý thức, trách nhiệm của cán bộ, Kiểm sát viên trong thực hiện nhiệm vụ này, nhất là việc nhận thức những quy định mới trong các đạo luật tư pháp mới ban hành. Đặc biệt, đối với Chỉ thị của Viện trưởng kiểm sát nhân dân tối cao về công tác kháng nghị phúc thẩm các đơn vị phải chủ động xây dựng kế hoạch triển khai, thực hiện phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, điều kiện thực tế của đơn vị mình, bảo đảm tính hiệu quả, khả thi, tránh hiện tượng việc triển khai thực hiện mang tính hình thức, đồng thời định kỳ hàng năm tiến hành đánh giá về hiệu quả, những tồn tại, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện để rút kinh nghiệm, kịp thời sửa đổi, bổ sung kế hoạch cho phù hợp, đảm bảo mang lại hiệu quả của công tác này.

3.1.4. Tăng cường công tác phối hợp trong ngành và phối hợp liên ngành trong công tác kháng nghị

- Về quan hệ phối hợp trong ngành

Tăng cường phối hợp giữa Viện Cấp cao 3 với Viện kiểm sát các tỉnh, thành là một trong những giải pháp quan trọng để nâng cao hiệu quả công tác kháng nghị phúc thẩm của Viện kiểm sát, do vậy Viện kiểm sát các tỉnh, thành phải thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu phối hợp trong Chỉ thị số 08,

nhất là hoạt động trao đổi, xin ý kiến thỉnh thị Viện kiểm sát cấp trên (Viện kiểm sát tối cao, Viện kiểm sát cấp cao) đảm bảo nguyên tắc tập trung thống nhất trong Ngành về việc kháng nghị các vụ án lớn, phức tạp, đồng thời phải xây dựng được cơ chế để quản lý chặt chẽ tình hình án hủy, sửa của đơn vị, cũng như kết quả giải quyết kháng nghị phúc thẩm mà đơn vị đã ban hành, theo đó cơ chế này phải được giao cụ thể cho Phòng nghiệp vụ thực hiện, định kỳ hàng tháng Phòng nghiệp vụ được giao nhiệm vụ phải có trách nhiệm báo cáo kết quả với Lãnh đạo Viện. Để thực hiện tốt yêu cầu này thì bên cạnh công tác chỉ đạo thì Lãnh đạo Viện kiểm sát địa phương cần chủ động liên hệ với Lãnh đạo Viện Cấp cao 3 tạo điều kiện thuận lợi cho các Phòng nghiệp vụ thực hiện, đồng thời chuẩn bị đầy đủ các tài liệu trong hồ sơ vụ án ngay sau khi kết thúc phiên tòa xét xử sơ thẩm để khi có yêu cầu chuyển hồ sơ kiểm sát phải chuyển ngay, không để xảy ra trường hợp kéo dài thời gian chuyển hồ sơ, đồng thời khi báo cáo đề nghị Viện Cấp cao 3 xem xét kháng nghị phúc thẩm bản án sơ thẩm phải đảm bảo đúng quy định, còn thời hạn kháng nghị trên cấp và phải gửi kèm hồ sơ kiểm sát để có căn cứ đánh giá nội dung báo cáo.

Đối với Viện Cấp cao 3 phải thực hiện tốt hoạt động phối hợp với Viện kiểm sát các tỉnh, thành trong tiến hành xác minh, bổ sung chứng cứ phục vụ cho hoạt động bảo vệ kháng nghị, trong những trường hợp rút kháng nghị phúc thẩm của Viện kiểm sát cấp dưới thì phải liên hệ trao đổi thông tin, tiếp thu ý kiến của Viện kiểm sát đã ban hành kháng nghị trước khi rút, sau phiên tòa phúc thẩm có văn bản gửi đến Viện kiểm sát địa phương về việc rút kháng nghị. Đối với các vụ án lớn, phức tạp, dư luận xã hội quan tâm Viện Cấp cao 3 chủ động phối hợp với Viện kiểm sát cấp dưới theo dõi ngay từ giai đoạn xét xử sơ thẩm nhằm đảm bảo thực hiện tốt công tác kháng nghị phúc thẩm của hai cấp. Để tạo điều kiện thuận lợi cho Lãnh đạo Viện kiểm

sát tỉnh, thành thực hiện tốt hoạt động chỉ đạo, điều hành công tác kháng nghị, Viện Cấp cao 3 cần xem xét cấp cho Viện trưởng Viện kiểm sát tỉnh, thành quyền khai thác một số nội dung trên hệ thống phần mềm quản lý án hình sự của đơn vị.

- Về quan hệ phối hợp liên ngành

Viện kiểm sát các cấp phải phối hợp chặt chẽ với Tòa án nhân dân cùng cấp trao đổi thông tin, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình giải quyết các vụ án có kháng nghị phúc thẩm, nhất là trong các vụ án tham nhũng, kinh tế lớn, án trọng điểm do Trung ương chỉ đạo hoặc trong các vụ án mà dư luận xã hội quan tâm bị kháng nghị. Để đảm bảo cơ sở thực hiện công tác phối hợp này, Viện kiểm sát các cấp chủ động phối hợp với Tòa án cùng cấp xây dựng quy chế phối hợp liên ngành trong quá trình xét xử phúc thẩm các vụ án hình sự, đặc biệt Viện Cấp cao 3 là đơn vị thực hiện chức năng kháng nghị, bảo vệ kháng nghị phúc thẩm đối với các bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án 23 tỉnh, thành khu vực phía Nam cần phải tiên phong trong xây dựng nội dung phối hợp này. Tuy nhiên, nội dung phối hợp liên ngành không được làm ảnh hưởng đến tính độc lập trong xét xử của Tòa án theo quy định của pháp luật, mục đích của việc phối hợp trong công tác này là nhằm đảm bảo cho việc trao đổi thông tin hai chiều, theo đó vừa bảo đảm cho Viện kiểm sát có thể kịp thời thu thập, bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ trong việc bảo vệ kháng nghị hoặc để Viện kiểm sát kịp thời rút những kháng nghị không đúng, đồng thời vừa để Tòa án cấp phúc thẩm đánh giá, chỉ đạo khắc phục những trường hợp xét xử bác kháng nghị nhưng không có căn cứ.

3.1.5. Tăng cường kiểm tra, tổng kết thực tiễn, thông báo rút kinh nghiệm, trả lời thỉnh thị

Viện kiểm sát cấp trên tăng cường kiểm tra nghiệp vụ, trong việc thực hiện chỉ tiêu nhiệm vụ theo Nghị quyết của Quốc hội, chỉ tiêu nghiệp vụ của

Ngành về kháng nghị phúc thẩm án hình sự của Viện kiểm sát cấp dưới, đồng thời phải làm tốt công tác hướng dẫn nghiệp vụ, thường xuyên thực hiện tổng hợp rút kinh nghiệm về công tác kháng nghị phúc thẩm đối với những kháng nghị có chất lượng để tiếp tục phát huy, cũng như những hạn chế của từng kháng nghị, qua đó xác định những vấn đề cần phải khắc phục trong hoạt động nghiệp vụ của Kiểm sát viên và công tác quản lý, chỉ đạo điều hành của Lãnh đạo Viện. Bên cạnh đó, thực hiện tốt công tác tổng hợp rút kinh nghiệm về tình hình án hình sự Tòa án cấp phúc thẩm xét xử tuyên hủy, sửa án để Viện kiểm sát cấp dưới nghiên cứu tích lũy kinh nghiệm, nhận diện vi phạm của bản án, tăng cường kỹ năng nghiệp vụ, nâng cao hiệu quả công tác kháng nghị. Viện Cấp cao 3 cần đẩy mạnh hoạt động xây dựng, tổ chức thực hiện, tiến hành sơ kết, tổng kết các chuyên đề nghiệp vụ về công tác kháng nghị phúc thẩm để Viện kiểm sát cấp dưới rút kinh nghiệm những hạn chế, tồn tại, thiếu sót, ứng dụng các giải pháp được đúc kết rút ra từ thực tiễn góp phần nâng cao hiệu quả công tác này.

Viện Cấp cao 3 phải nâng cao trách nhiệm, năng lực trả lời yêu cầu thỉnh thị của Viện kiểm sát cấp dưới trong công tác kháng nghị phúc thẩm, việc trả lời yêu cầu thỉnh thị phải bằng văn bản, kịp thời, cụ thể, rõ ràng và đúng thời hạn quy định.

3.2. Nhóm giải pháp về nghiệp vụ

3.2.1. Thực hiện đầy đủ các yêu cầu nghiệp vụ theo quy chế

Thực hiện đúng, đầy đủ yêu cầu nghiệp vụ là một trong giải pháp quan trọng để góp phần nâng cao hiệu quả công tác kiểm sát nói chung và công tác kháng nghị phúc thẩm của Viện kiểm sát các cấp nói riêng. Để phục vụ tốt cho công tác kháng nghị phúc thẩm, Kiểm sát viên cấp sơ thẩm phải chủ động thực hiện đầy đủ các yêu cầu nghiệp vụ ngay từ giai đoạn kiểm sát điều tra vụ án như yêu cầu điều tra, nghiên cứu xây dựng bảng tổng hợp nội dung vụ

án, có bản trích cứ chứng cứ, báo cáo án, xây dựng đề cương xét hỏi, xây dựng kế hoạch xét hỏi dự kiến những nội dung có thể phát sinh tại phiên tòa. Tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên phải kiểm sát chặt chẽ việc chấp hành luật tố tụng của Hội đồng xét xử và của những người tham tố tụng, ghi chép đầy đủ nội dung diễn biến tại phiên tòa nhằm đảm bảo đầy đủ thông tin để xem xét, đánh giá về kết quả giải quyết của Hội đồng xét xử sơ thẩm, cũng như đảm bảo cho Lãnh đạo đơn vị nghiên cứu quyết định việc kháng nghị hoặc không kháng nghị đối với bản án. Sau phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên tham gia xét xử phải theo dõi, đôn đốc Tòa án cùng cấp gửi bản án sơ thẩm cho Viện kiểm sát, khi nhận được bản án sơ thẩm phải thực hiện hoạt động kiểm sát, trình Lãnh đạo duyệt và sao gửi ngay bản án cho Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp.

Đối với Kiểm sát viên cấp phúc thẩm, khi nhận được bản án sơ thẩm của Viện kiểm sát cấp dưới phải thực hiện hoạt động kiểm sát ngay, nghiên cứu thời hạn kháng nghị phúc thẩm của đơn vị, lập phiếu kiểm sát đầy đủ, thể hiện rõ quan điểm đối với bản án, báo cáo kịp thời cho Lãnh đạo Phòng, Lãnh đạo Viện khi phát hiện vi phạm của bản án, nếu Lãnh đạo đơn vị thống nhất ban hành kháng nghị phúc thẩm thì Kiểm sát viên phải chủ động liên hệ rút ngay hồ sơ kiểm sát của những địa phương gần đơn vị để nghiên cứu toàn diện vụ án. Đối với kháng nghị phúc thẩm của Viện kiểm sát cấp dưới gửi đến, nếu thấy vẫn còn thời hạn kháng nghị của Viện Cấp cao 3 thì phải thực hiện thao tác kiểm tra toàn diện kháng nghị, khi phát hiện sai sót phải báo cáo ngay Lãnh đạo Viện Cấp cao 3 để được chỉ đạo kịp thời. Trong hoạt động bảo vệ kháng nghị của Viện kiểm sát cấp dưới, khi nghiên cứu hồ sơ vụ án nếu thấy còn những vấn đề chưa rõ, có thể tiến hành xác minh được trong giai đoạn phúc thẩm thì Kiểm sát viên phải báo cáo ngay Lãnh đạo đơn vị xin ý kiến chỉ đạo, xây dựng kế hoạch xác minh, tiến hành xác minh hoặc phối

hợp với Viện kiểm sát địa phương yêu cầu điều tra xác minh bổ sung đảm bảo căn cứ cho việc bảo vệ kháng nghị. Trước khi tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên phải báo cáo đầy đủ về kết quả nghiên cứu, đề xuất hướng giải quyết vụ án để Lãnh đạo Viện kịp thời chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và về đường lối giải quyết vụ án, chuẩn bị dự thảo đề cương xét hỏi, nội dung tranh luận, dự thảo nội dung phát biểu tại phiên tòa, đặc biệt Kiểm sát viên cần phải dự liệu các tình huống có thể phát sinh, nhất là việc bị cáo có thể kêu oan tại phiên tòa phúc thẩm để chủ động trong xử lý.

3.2.2. Thực hiện quy trình kiểm sát bản án để xem xét việc kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm và bảo vệ kháng nghị ban hành

Nhằm khắc phục tình trạng án hình sự bị hủy, sửa nhưng không có kháng nghị phúc thẩm của Viện kiểm sát cùng cấp và trên một cấp, cũng như tình trạng Tòa án cấp phúc thẩm bác kháng nghị chưa đúng, việc xây dựng và thực hiện quy trình kiểm sát bản án để xem xét việc kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm và bảo vệ kháng nghị đã ban hành là hết sức cần thiết. Từ kinh nghiệm trong quá trình thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử hình sự theo thủ tục phúc thẩm trong thời gian qua, Viện Cấp cao 3 xây dựng thành quy trình như sau:

Sau khi kết thúc phiên tòa, Kiểm sát viên được phân công kiểm sát xét xử sơ thẩm phải làm ngay báo cáo kết quả xét xử gửi lãnh đạo, đánh giá việc giải quyết vụ án có vi phạm pháp luật không, nếu có thì vi phạm đó có căn cứ để kháng nghị phúc thẩm không, Lãnh đạo phải có ý kiến cụ thể trong báo cáo, đồng thời Kiểm sát viên có trách nhiệm đôn đốc, yêu cầu Tòa án gửi bản án, quyết định cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định, trường hợp gửi chậm, ảnh hưởng đến thời hạn xem xét kháng nghị phúc thẩm thì Kiểm sát viên phải đề xuất Lãnh đạo kiến nghị kịp thời để Tòa án rút kinh nghiệm trong việc gửi bản án.

- Khi nhận được bản án, quyết định sơ thẩm, Viện kiểm sát sơ thẩm phải scan gửi ngay cho Viện kiểm sát cấp trên để cùng phối hợp thực hiện việc kiểm sát theo đúng quy chế nghiệp vụ. Trong đó Viện kiểm sát cấp sơ thẩm phải chịu trách nhiệm chính trong việc kiểm sát để phát hiện vi phạm của bản án, quyết định, đồng thời phối hợp chặt chẽ với Viện kiểm sát cấp trên trong quá trình cung cấp tài liệu phục vụ kiểm sát bản án, quyết định để xem xét kháng nghị phúc thẩm, cụ thể:

+ Trường hợp thấy có căn cứ kháng nghị phúc thẩm thì Kiểm sát viên phải lập báo cáo đề xuất, nêu rõ vi phạm của bản án, quyết định sơ thẩm, căn cứ kháng nghị. Viện trưởng Viện kiểm sát cấp sơ thẩm phải trực tiếp nghe báo cáo và quyết định việc kháng nghị, cũng như bổ sung, thay đổi, rút kháng nghị trước khi mở phiên tòa. Trường hợp vụ án phức tạp, căn cứ kháng nghị chưa rõ, nếu xét thấy cần thiết thì họp tập thể Kiểm sát viên đối với Viện kiểm sát huyện, họp Ủy ban kiểm sát đối với Viện kiểm sát tỉnh để bảo đảm nhận thức và áp dụng pháp luật chính xác, kháng nghị có căn cứ và cần thiết, tránh tình trạng nể nang ngại va chạm, dẫn đến bỏ lọt vi phạm không kháng nghị.

+ Trường hợp Viện kiểm sát cấp sơ thẩm phát hiện vi phạm, có căn cứ kháng nghị phúc thẩm nhưng không còn đủ thời hạn để thực hiện việc kháng nghị thì phải báo cáo rõ nội dung vi phạm, đề xuất quan điểm xử lý với Viện kiểm sát cấp trên, kèm theo hồ sơ kiểm sát và tài liệu, chứng cứ làm căn cứ kháng nghị (nếu có).

+ Trường hợp Viện kiểm sát cấp sơ thẩm cho rằng không có căn cứ kháng nghị phúc thẩm thì Kiểm sát viên lập phiếu kiểm sát, ghi rõ ý kiến của Kiểm sát viên và ý kiến Lãnh đạo đơn vị; Viện kiểm sát cấp sơ thẩm phải gửi phiếu kiểm sát bản án kèm theo bản sao bản án, quyết định sơ thẩm; biên bản

phiên tòa cho Viện kiểm sát cấp trên để có đủ cơ sở nghiên cứu, xem xét việc kháng nghị phúc thẩm trên một cấp theo thẩm quyền.

- Khi nhận được bản án, quyết định sơ thẩm do Viện kiểm sát cấp dưới chuyển đến cùng với ý kiến của Viện kiểm sát cấp dưới về việc nhất trí với bản án, quyết định sơ thẩm hoặc đề xuất kháng nghị, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp phải phân công cán bộ nghiên cứu. Trường hợp xét thấy cần thiết thì Viện kiểm sát cấp trên yêu cầu Viện kiểm sát cấp sơ thẩm Scan gửi các tài liệu có liên quan để phục vụ việc nghiên cứu. Người được phân công nghiên cứu phải có ý kiến về kết quả kiểm sát của Viện kiểm sát cấp dưới và đề xuất về việc kháng nghị hoặc không kháng nghị phúc thẩm. Lãnh đạo cấp phòng đối với Viện kiểm sát cấp tỉnh; Lãnh đạo Viện nghiệp vụ đối với Viện kiểm sát cấp cao phải có ý kiến đối với đề xuất của cán bộ nghiên cứu. Trường hợp bản án, quyết định sơ thẩm có vi phạm thì phải báo cáo ngay lãnh đạo Viện để quyết định việc kháng nghị phúc thẩm trên một cấp.

- Sau khi có kết quả xét xử đối với các trường hợp Viện kiểm sát kháng nghị, Viện kiểm sát cấp trên cần thông báo rút kinh nghiệm kịp thời đối với từng trường hợp Viện kiểm sát cấp trên rút kháng nghị của Viện kiểm sát cấp dưới hoặc kháng nghị của Viện kiểm sát cấp dưới không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Trường hợp Viện kiểm sát cấp dưới nhất trí với bản án, quyết định sơ thẩm, không kháng nghị, nhưng Viện kiểm sát cấp trên kháng nghị và được Tòa án chấp nhận, thì Viện kiểm sát đã kháng nghị phải thông báo cho Viện kiểm sát cấp dưới để tham khảo, rút kinh nghiệm chung. Viện kiểm sát cấp trên định kỳ tổng hợp số liệu và đánh giá kết quả xét xử phúc thẩm, giám đốc thẩm đối với các vụ án Viện kiểm sát đã kháng nghị để rút kinh nghiệm chung về công tác kháng nghị.

- Đối với trường hợp Tòa án không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát mà xét thấy việc bác kháng nghị không có căn cứ thì phải báo cáo đề

ngộ Viện kiểm sát có thẩm quyền xem xét, kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm.

3.2.3. Phương pháp nghiên cứu, phát hiện, xác định mức độ vi phạm bản án sơ thẩm

Phương pháp đọc và nghiên cứu bản án hình sự sơ thẩm là một trong những phương pháp cần thiết, quan trọng giúp cho hoạt động nghiên cứu bản án của Kiểm sát viên được nhanh hơn, khoa học hơn và hiệu quả hơn. Theo cách đơn giản thông thường, khi nhận được bản án chúng ta sẽ đọc từ đầu cho đến phần kết thúc của bản án, với cách thức này không hình thành được tư duy nhạy bén, khả năng liên kết của người đọc, không phát huy được hiệu quả trong trường hợp phải kiểm sát liên tục nhiều bản án với một lượng thời gian nhất định, chỉ phù hợp với những đơn vị có số lượng án ít. Do vậy, để nâng cao hiệu quả công tác kiểm sát bản án thì mỗi Kiểm sát viên phải tích lũy kinh nghiệm, xây dựng phương pháp thực hiện sao cho vừa đáp ứng được yêu cầu về thời hạn nghiên cứu bản án, vừa đảm bảo có thể phát hiện được vi phạm của bản án khi đọc. Trong thực tế, nhiều Kiểm sát viên làm rất tốt nhiệm vụ kháng nghị phúc thẩm thông qua hoạt động kiểm sát bản án sơ thẩm, tuy nhiên ở mỗi người, mỗi nơi đều có những phương pháp riêng để thực hiện. Từ thực tiễn công tác kiểm sát bản án sơ thẩm trong thời gian qua, Viện Cấp cao 3 nhận thấy phương pháp nghiên cứu bản án sơ thẩm dưới đây đã mang lại kết quả, cụ thể:

** Phương pháp nghiên cứu bản án*

Phải xác định các nội dung quan trọng, bắt buộc phải đọc trong một bản án cụ thể, mà không phải đọc theo cách thông thường là đọc toàn bộ bản án để có thể rút ngắn tối đa thời gian đọc. Việc xác định các nội dung này còn tùy thuộc vào kinh nghiệm đọc của mỗi người và đặc trưng của từng loại tội phạm cụ thể.

Phải xác định thứ tự đọc nội dung của bản án, theo đó sẽ có phần nội dung cần phải đọc trước, phần nội dung sẽ đọc sau để có thể phát hiện nhanh nhất các vi phạm nếu có.

Đối với các vụ án dày, đông bị cáo, nhiều hành vi phạm tội phải có phương pháp phân loại theo từng nhóm hành vi phạm tội để đọc, kết hợp với việc xây dựng sơ đồ tóm lược ngắn gọn để dễ dàng đối chiếu, so sánh phát hiện vi phạm.

Tiến hành phân loại kết quả đọc bản án, theo đó nên phân chia kết quả đọc thành hai loại gồm bản án có dấu hiệu vi phạm và bản án không vi phạm. Nếu bản án không vi phạm sau khi đọc xong phải lập ngay phiếu kiểm sát và sao gửi ngay bản án cho Viện kiểm sát cấp trên để đảm bảo quyền kháng nghị trên cấp, còn loại bản án có dấu hiệu vi phạm thì bắt đầu tập trung nghiên cứu chuyên sâu để xác định vi phạm cụ thể được phát hiện và mức độ vi phạm của bản án. Phương pháp phân loại kết quả đọc bản án sơ thẩm sẽ giúp cho Kiểm sát viên khắc phục được tình trạng sa lầy vào việc đọc một bản án cụ thể, mà không đảm bảo được thời hạn đọc để kiểm sát các bản án khác.

* Phương pháp phát hiện, xác định mức độ vi phạm của bản án sơ thẩm

Để nâng cao khả năng phát hiện các vi phạm bản án sơ thẩm, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ các Chuyên viên, Kiểm tra viên, Kiểm sát viên cần thực hiện tốt các yêu cầu sau:

Trong quá trình kiểm sát bản án sơ thẩm phải nắm được quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát cùng cấp để đối chiếu, so sánh với quyết định của bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên phải nghiên cứu, tích lũy, nắm vững các dạng vi phạm đã phát sinh, kết quả xét xử kháng nghị của Tòa án, cũng như những vi phạm mà Tòa án cấp phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm xác định là căn cứ để hủy, sửa án trong thời gian qua để dễ dàng phát hiện dạng vi phạm khi đọc bản án

để không phải mất thời gian tìm hiểu nghiên cứu. Qua thực tiễn thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử án hình sự, nhận thấy một số dạng vi phạm phổ biến của bản án, các Kiểm sát viên cần nghiên cứu để thực hiện tốt công tác kiểm sát bản án như:

+ Vi phạm nghiêm trọng về tố tụng bao gồm: Vi phạm về thẩm quyền giải quyết vụ án; trong việc khám nghiệm hiện trường; Thu giữ, giám định vật chứng; Định giá tài sản; Tách, nhập, đình chỉ vụ án; Giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự; Cử người bào chữa; Xác định tư cách người tham gia tố tụng; Không đưa đầy đủ người tham gia tố tụng giải quyết vụ án; Vi phạm trong việc giám hộ; Chưa thu thập đầy đủ chứng cứ giải quyết vụ án; Bỏ lọt tội phạm và người thực hiện hành vi phạm tội; Vi phạm về thành phần Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; Sự có mặt, vắng mặt người tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm; Vi phạm về giới hạn xét xử của Tòa án; Vi phạm trong việc ghi biên bản phiên tòa, vi phạm trong việc nghị án; Việc điều tra, xét hỏi tại phiên tòa phiên diện...

+ Vi phạm về nội dung giải quyết vụ án bao gồm: Việc phân tích, đánh giá chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội, định tội danh không phù hợp giữa hành vi phạm tội đã được thực hiện với cấu thành tội phạm được quy định trong pháp luật hình sự; Kết án người không có hành vi phạm tội, hành vi không cấu thành tội phạm, chưa đến tuổi chịu trách nhiệm hình sự; Xác định tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; Áp dụng điểm, khoản, điều của Bộ luật hình sự để xác định tội danh; Quyết định hình phạt, mức bồi thường thiệt hại đối với bị cáo, hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng và những tình tiết khác có ý nghĩa giải quyết vụ án, án phí; Vi phạm trong việc áp dụng án treo; Xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại...

+ Các bản án vừa có vi phạm về thủ tục tố tụng, vừa có vi phạm về nội dung giải quyết.

Phát hiện được vi phạm của bản án sơ thẩm đã khó, nhưng đánh giá đúng mức độ vi phạm để ban hành kháng nghị phúc thẩm và bảo vệ được kháng nghị phúc thẩm càng khó khăn hơn, do vậy trong hoạt động này cần thực hiện các yêu cầu sau:

- Phải nắm vững các quy định của pháp luật hình sự, tố tụng hình sự và các văn bản liên quan đến bản án đang kiểm sát, để làm tốt yêu cầu này đòi hỏi Kiểm sát viên phải tự trang bị cho mình đầy đủ các văn bản pháp luật, phải có hoạt động tập hợp, pháp điển hóa thành những tập văn bản ngay tại nơi làm việc để dễ dàng tra cứu, đối chiếu. Khi nghiên cứu xác định vi phạm của bản án phải bảo đảm thực hiện việc đối chiếu, so sánh nội dung quy định tại các văn bản này. Tránh trường hợp chỉ nhớ mang máng về nội dung văn bản mà không thực hiện việc đối chiếu so sánh hoặc không có hoạt động tập hợp văn bản để phải tìm kiếm khi phát sinh trong một bản án cụ thể.

- Khi đánh giá mức độ vi phạm của bản án phải có góc nhìn toàn diện, khách quan trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, từ đó xác định những vi phạm đã xác định ảnh hưởng như thế nào đến sự thật khách quan của vụ án, ảnh hưởng như thế nào đến quyền và lợi ích của những người tham gia tố tụng và quyền của bị cáo? Những vi phạm này có thể khắc phục được hay không? Bởi thực tế, có trường hợp cùng một loại vi phạm như nhau, nhưng trong vụ án này là vi phạm rất nghiêm trọng, song ở vụ án khác lại không phải là nghiêm trọng hoặc mặc dù vụ án có vi phạm nhưng nếu kháng nghị để hủy án cũng không thể khắc phục lại được... Chỉ kháng nghị khi vi phạm của bản án ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của những người tham gia tố tụng hoặc làm thay đổi bản chất của vụ án hoặc có khả năng khắc phục được vi phạm khi tiến hành điều tra lại. Đối với bản án có vi phạm nhưng không làm ảnh hưởng bản chất vụ án, đường lối xử lý thì không kháng nghị, mà chỉ cần tập hợp để kiến nghị.

- Đối với những vi phạm được phát hiện cần đối chiếu xem trước đây Viện kiểm sát các cấp có ban hành kháng nghị dạng vi phạm này chưa, kết quả giải quyết như thế nào? Để xác định khả năng kháng nghị được chấp nhận.

3.2.4. Phương pháp xây dựng kháng nghị

Hình thức và nội dung là hai tiêu chí quan trọng thể hiện chất lượng của một kháng nghị phúc thẩm, nhưng trong thời gian qua nhiều kháng nghị vẫn chưa thực hiện tốt các tiêu chí này, thậm chí có một số kháng nghị phúc thẩm không đạt yêu cầu cả về hình thức, lẫn nội dung. Do vậy, nâng cao chất lượng xây dựng kháng nghị là một yêu cầu quan trọng của Viện kiểm sát các cấp hiện nay, theo đó quá trình xây dựng kháng nghị phúc thẩm cần bám sát những nội dung sau đây:

- Phải xác định chính xác thời hạn kháng nghị phúc thẩm đối với bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 05/2005/NQ-HĐTP ngày 08/12/2005 vì trong thực tế đã có Kiểm sát viên chủ quan tính sai thời hạn kháng nghị dẫn đến ban hành kháng nghị phúc thẩm quá thời hạn luật định hoặc không kháng nghị vì cho rằng đã hết thời hạn đối với bản án.

- Các nội dung trong Phần xét thấy cần xây dựng ngắn gọn, trọng tâm, dễ đọc, dễ hiểu, theo đó:

+ Đối với phần nội dung vụ án: Nêu khái quát, ngắn gọn các nội dung như thời gian, địa điểm, người thực hiện hành vi phạm tội, tính chất, thủ đoạn, hậu quả xảy ra, kết luận giám định (nếu có), phần này không kể lể, dài dòng.

+ Về phần quyết định của bản án hoặc quyết định sơ thẩm: Tổng hợp ngắn gọn, đầy đủ phần quyết định của bản án liên quan đến kháng nghị.

+ Phân tích, lập luận chứng minh cần ngắn gọn, cụ thể, chặt chẽ, đúng trọng tâm, nhưng phải xác định cho được vi phạm, những điểm bất hợp lý,

không phù hợp của án sơ thẩm cần kháng nghị, viện dẫn được căn cứ, chứng cứ để chứng minh vi phạm, nhất là trường hợp kháng nghị đối với bản án xử đúng tội, đúng khung, vận dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như Viện kiểm sát đề nghị nhưng chỉ khác nhau về mức hình phạt trong khi khung hình phạt lại quá rộng thì việc đánh giá xử nặng, xử nhẹ là rất khó, phụ thuộc vào nhận thức của người đánh giá bởi không có tiêu chí cụ thể về nặng, nhẹ để đối chiếu, cũng không có hướng dẫn cụ thể thế nào là nặng, thế nào là nhẹ cho các vụ án hình sự.

- Phân quyết định của kháng nghị phải nêu cụ thể, rõ ràng, phù hợp với nội dung phân tích, đánh giá của kháng nghị, tránh mâu thuẫn giữa phân nhận định và đánh giá.

3.2.5. Hoàn thiện pháp luật hình sự và tố tụng hình sự

Mặc dù Bộ luật hình sự 2015 mới được ban hành và đã được sửa đổi, bổ sung, tuy nhiên vẫn còn nhiều tồn tại, vướng mắc của Bộ luật hình sự 1999 vẫn chưa được Bộ luật 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung khắc phục. Đối với những quy định của pháp luật tố tụng hình sự liên quan đến thực hiện quyền kháng nghị phúc thẩm của Viện kiểm sát cũng cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Quy định cụ thể căn cứ kháng nghị phúc thẩm hình sự trong Bộ luật tố tụng hình sự. Do BLTTHS năm 2003 và BLTTHS năm 2015 không quy định cụ thể căn cứ kháng nghị phúc thẩm, nên không có sự thống nhất trong xác định mức độ vi phạm của bản án, quyết định sơ thẩm để ban hành kháng nghị. Nhằm thực hiện việc kháng nghị thống nhất trong ngành kiểm sát, Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã ban hành Quy chế về công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử các vụ án hình sự, theo đó tại Điều 33 đã xác định 04 căn cứ kháng nghị phúc thẩm, tuy nhiên, hướng dẫn này chỉ mang tính nội bộ của ngành Kiểm sát, không có hiệu lực với ngành Tòa án. Vì vậy, để

có cơ sở pháp lý rõ ràng, BLTTHS cần bổ sung một điều luật quy định về những căn cứ để kháng nghị phúc thẩm, theo hướng xác định rõ bản án, quyết định sơ thẩm vi phạm như thế nào, mức độ vi phạm đến đâu thì bị Viện kiểm sát kháng nghị, tương tự như quy định về *căn cứ để kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm hoặc căn cứ để kháng nghị theo thủ tục tái thẩm*, có như thế mới có tiêu chí để xác định kháng nghị phúc thẩm đúng hay sai. Trong thời gian chờ BLTTHS sửa đổi, có thể ban hành Thông tư liên ngành hướng dẫn về căn cứ này nhằm hạn chế tình trạng Tòa án bác kháng nghị phúc thẩm của Viện kiểm sát.

- Thời hạn kháng nghị đối với bản án sơ thẩm của Viện kiểm sát cùng cấp là 15 ngày, của Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp là 30 ngày, kể từ ngày Tòa án cấp sơ thẩm tuyên án và thời hạn kháng nghị đối với các quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm của Viện kiểm sát cùng cấp là 7 ngày, của Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp là 15 ngày, kể từ ngày Tòa án cấp sơ thẩm ra quyết định. Rõ ràng, việc quy định thời gian giao bản án 10 ngày là rất dài làm ảnh hưởng đến hoạt động kiểm sát bản án của Viện kiểm sát. Mặt khác, Viện kiểm sát cấp dưới khi nhận được bản án sơ thẩm do Tòa án chuyển sang còn thực hiện việc giao Kiểm sát viên nghiên cứu, lập phiếu kiểm sát án văn trình lãnh đạo Viện cho ý kiến theo quy chế nghiệp vụ của ngành, sau đó mới gửi đồng thời cả phiếu kiểm sát án văn và bản án lên Viện kiểm sát cấp trên. Công việc này cũng rất mất thời gian. Đây là những lý do trở ngại khách quan dẫn đến việc không đảm bảo đúng thời hạn kháng nghị của Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp là 30 ngày. Do vậy nhiều khi Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp nhận được bản án, quyết định sơ thẩm thì thời hạn kháng nghị đã hết nên không thể thực hiện được quyền kháng nghị phúc thẩm. Do vậy, cần phải sửa đổi, bổ sung một số điều quy định của BLTTHS như quy định thời hạn giao bản án cho Viện kiểm sát cần phải được rút ngắn cho phù hợp và thời hạn

kháng nghị phải tính từ ngày Tòa án sơ thẩm gửi bản án, quyết định. Việc quy định và áp dụng chính xác, chặt chẽ các quy định về việc gửi bản sao bản án và thời hạn trong tố tụng hình sự là vấn đề rất quan trọng, liên quan trực tiếp đến quá trình giải quyết vụ án của các cơ quan tiến hành tố tụng, góp phần đảm bảo quyền lợi hợp pháp của bị cáo và những người tham gia tố tụng.

3.3. Nhóm giải pháp về công tác cán bộ

3.3.1. Chú trọng công tác đánh giá, bố trí, bổ nhiệm cán bộ, Kiểm sát viên có đủ phẩm chất, năng lực đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ được giao

Việc đánh giá, sử dụng cán bộ phù hợp ở từng khâu công tác có tác động lớn đến hiệu quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Viện kiểm sát, do vậy để góp phần nâng cao hiệu quả công tác kháng nghị thì cần phải có sự đánh giá, sử dụng cán bộ phù hợp, đúng năng lực, sở trường của từng người. Khi đánh giá cán bộ, Kiểm sát viên cần phải căn cứ vào hệ thống tiêu chuẩn chức danh, hiệu quả hoạt động chuyên môn nghiệp vụ, khả năng nghiên cứu, nắm bắt, đề xuất, xử lý các tình huống trong thực tiễn và ý thức, trách nhiệm của cán bộ, Kiểm sát viên trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.

Trong công tác kháng nghị phúc thẩm hình sự thì hai kỹ năng quan trọng của Kiểm sát viên chính là kỹ năng phát hiện vi phạm pháp luật của bản án sơ thẩm làm căn cứ kháng nghị và kỹ năng bảo vệ kháng nghị tại phiên tòa phúc thẩm. Do vậy, bên cạnh việc đánh giá, bố trí cán bộ, Kiểm sát viên có năng lực nghiệp vụ, kinh nghiệm công tác, cần quan tâm, chú trọng đến các tiêu chí đặc thù trong yêu cầu thực hiện công tác kháng nghị như khả năng và sự đam mê nghiên cứu bản án, nhận diện vi phạm, khả năng diễn đạt, lập luận, chứng minh, tranh luận tại phiên tòa... Trong quá trình thực hiện công tác, nếu thấy cán bộ, Kiểm sát viên chưa đáp ứng được hoặc không còn đáp

ứng được yêu cầu nhiệm vụ ở vị trí công tác được giao thì phải kịp thời tìm nguồn cán bộ thay thế, mạnh dạn, cương quyết điều chuyển vị trí công tác để thực hiện tốt hơn.

Hoạt động đề bạt, bổ nhiệm cán bộ, Kiểm sát viên là một trong những hoạt động quan trọng của công tác cán bộ, rất nhạy cảm, có ảnh hưởng và quyết định rất lớn đến hiệu quả trong các lĩnh vực công tác của Viện kiểm sát, trong đó có công tác kháng nghị phúc thẩm, nếu không làm tốt hoạt động này sẽ rất dễ tạo ra nhiều hệ lụy tiêu cực, dẫn đến tình trạng trì trệ trong công tác. Do vậy, hoạt động đề bạt, bổ nhiệm cán bộ phải được xác định là một trong những biện pháp quan trọng, cốt lõi trong thực hiện việc kiện toàn bộ máy, tăng cường sức mạnh tập thể, nâng cao sức chiến đấu, chất lượng thực hiện công tác của đơn vị. Để đạt được mục đích của hoạt động này đòi hỏi Lãnh đạo, cán bộ, Kiểm sát viên của đơn vị là những người được giao quyền đánh giá, lựa chọn, quyết định phải thật sự công tâm, khách quan trong thực hiện quy trình đề bạt, bổ nhiệm cán bộ, Kiểm sát viên, cần có nhận thức đúng đắn mục đích, ý nghĩa của việc đề bạt, bổ nhiệm cán bộ là nhằm đảm bảo cho việc nâng cao hiệu quả công tác chung của toàn đơn vị để có sự lựa chọn phù hợp. Về phía người được lựa chọn thì bên cạnh yếu tố quan trọng không thể thiếu là năng lực quản lý, năng lực chuyên môn thì cần hết sức chú trọng về phẩm chất đạo đức, đặc biệt là đạo đức nghề nghiệp của họ.

3.3.2. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ phải được quan tâm đặc biệt nhằm nâng cao năng lực chuyên môn và khả năng vận dụng pháp luật của cán bộ, Kiểm sát viên.

Cán bộ luôn là nhân tố quyết định hiệu quả công tác của đơn vị, do vậy cần phải thường xuyên thực hiện công tác này, nhất là trong công tác đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao năng lực nghiệp vụ, khả năng vận dụng pháp luật của cán bộ, Kiểm sát viên. Công tác đào tạo, bồi dưỡng phải được xác định là

một trong những nhiệm vụ trọng tâm, là giải pháp quan trọng hàng đầu, có ý nghĩa quyết định đối với công tác xây dựng Ngành nên phải thực hiện nghiêm túc mới có thể đáp ứng được yêu cầu thực hiện chức năng, nhiệm vụ trong tình hình mới. Cần thường xuyên mở các lớp tập huấn, tổ chức các lớp đào tạo chuyên sâu theo các chuyên đề trực tiếp phục vụ cho nhu cầu công việc hoặc về các tội phạm mới hoặc những tội phạm phức tạp, còn vướng mắc, hội thảo khoa học về kỹ năng kỹ năng nghiên cứu, đánh giá mức độ vi phạm của bản án sơ thẩm, kỹ năng xây dựng kháng nghị phúc thẩm. Bên cạnh đó, Viện kiểm sát các cấp phải chủ động thực hiện công tác tự đào tạo cán bộ, Kiểm sát viên tại đơn vị thông qua các hình thức như tăng cường tập huấn, tổ chức tọa đàm trao đổi nghiệp vụ, các quy định mới của pháp luật, thực hiện tốt hoạt động rút kinh nghiệm qua từng vụ án có kháng nghị, phân công Kiểm sát viên mới được bổ nhiệm cùng tham gia thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử với các Kiểm sát viên đã được bổ nhiệm nhiều năm để tạo sự tự tin, tích lũy kỹ năng, kinh nghiệm cho Kiểm sát viên mới, đặc biệt cần tiếp tục đẩy mạnh và nâng cao hơn nữa chất lượng tổ chức phiên tòa rút kinh nghiệm đối với các vụ án có kháng nghị phúc thẩm. Các vụ án được lựa chọn để tổ chức rút kinh nghiệm phải là vụ án phức tạp, có nhiều vấn đề về tố tụng, nội dung cần xét hỏi, tranh luận và nhất thiết phải có Luật sư tham gia bào chữa cho bị cáo, tránh tổ chức phiên tòa hình thức, chạy theo chỉ tiêu, nhất là việc hợp thức hóa thủ tục tổ chức phiên tòa rút kinh nghiệm để đạt chỉ tiêu công tác. Sau phiên tòa, đơn vị phải thực hiện nghiêm túc việc đánh giá, rút kinh nghiệm để cán bộ, Kiểm sát viên tích lũy kinh nghiệm, rèn luyện kỹ năng tranh luận, xử lý tình huống trong hoạt động bảo vệ kháng nghị. Viện kiểm sát các cấp phải xem công tác tự đào tạo tại đơn vị là trách nhiệm và là yêu cầu bắt buộc trong công tác quản lý, điều hành của Lãnh đạo đơn vị.

KẾT LUẬN

Kháng nghị phúc thẩm là quyền năng pháp lý quan trọng để thực hiện chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp, bảo đảm pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh, thống nhất, không làm oan sai và bỏ lọt tội phạm, khắc phục các vi phạm trong hoạt động xét xử, góp phần tích cực vào công tác đấu tranh phòng chống tội phạm.

Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh được thành lập vào năm 2015, trên cơ sở Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014. Là một cấp kiểm sát mới được thành lập, có địa bàn hoạt động rộng lớn gồm 23 tỉnh, thành phía Nam, số lượng án phúc thẩm rất lớn, tính chất phức tạp, đa dạng, vì vậy đòi hỏi Viện Cấp cao 3 phải thực hiện tốt công tác kháng nghị phúc thẩm hình sự nhằm đảm bảo pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất.

Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh đã ban hành 46 kháng nghị/109 bị cáo do cấp sơ thẩm xét xử sai tội danh, áp dụng điều luật không đúng, xử mức án nhẹ, cho hưởng án treo không đúng quy định của pháp luật...vv. Công tác kháng nghị phúc thẩm án hình sự của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh và của các tỉnh, thành khu vực phía Nam về cơ bản đã đi vào nề nếp, khắc phục được nhiều vi phạm của bản án, góp phần bảo đảm xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, đạt các chỉ tiêu, nhiệm vụ mà Quốc hội, Ngành đã đề ra. Tuy nhiên, so với yêu cầu của Chỉ thị số 08/CT-VKSTC ngày 06/4/2016 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao về “*Tiếp tục tăng cường công tác kháng nghị án hình sự*” thì công tác kháng nghị phúc thẩm vẫn còn nhiều tồn tại, hạn chế như số lượng, chất lượng kháng nghị phúc thẩm chưa cao; tỷ lệ bản án, quyết định do Viện kiểm sát phát hiện kháng nghị còn thấp so với số bản án, quyết định bị Tòa án cấp trên xét xử tuyên hủy, sửa, để lọt các vi phạm dẫn đến các vụ án oan, sai

kéo dài; nhiều bản án, quyết định có vi phạm pháp luật nhưng chưa được phát hiện kháng nghị kịp thời... Do vậy, việc nghiên cứu đánh giá tình hình chất lượng kháng nghị, phân tích nguyên nhân của kết quả và tồn tại trong công tác kháng nghị phúc thẩm án hình sự để đề ra các giải pháp và kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả công tác này là yêu cầu cấp thiết phải được triển khai thực hiện. Trách nhiệm, nguyên nhân để tồn tại kéo dài là thuộc về Lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân các cấp đã không thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu của Chỉ thị số 08 trong quá trình chỉ đạo, điều hành và Kiểm sát viên chưa thật sự nghiêm túc trong thực hiện nhiệm vụ được phân công.

Tuy nhiên, qua thực tế xét xử, chế định về kháng nghị phúc thẩm vẫn còn bộc lộ một số tồn tại, hạn chế nhất định như căn cứ, thời hạn, việc bổ sung, thay đổi, rút kháng nghị phúc thẩm hình sự.

Ngoài ra, còn có những nguyên nhân khách quan chủ yếu của thực trạng này là do hệ thống pháp luật chưa đồng bộ, chế định về kháng nghị phúc thẩm vẫn còn bộc lộ một số tồn tại, hạn chế nhất định như việc quy định căn cứ, thời hạn, việc bổ sung, thay đổi, rút kháng nghị phúc thẩm hình sự chưa phù hợp với thực tiễn; về cơ cấu tổ chức bộ máy, năng lực trình độ của một bộ phận cán bộ, Kiểm sát viên còn hạn chế chưa đáp ứng được yêu cầu cải cách tư pháp và nhiệm vụ đặt ra; công tác chỉ đạo, điều hành mặc dù đã có những chuyển biến tích cực, tuy nhiên hiệu quả chưa cao; mối quan hệ phối hợp giữa các cơ quan chức năng chưa được chú trọng cũng là một trong những nguyên nhân tạo nên thực trạng này.

Để nâng cao hiệu quả công tác kháng nghị phúc thẩm án hình sự, hạn chế đến mức thấp nhất tình trạng kháng nghị bị rút hoặc không được Tòa án chấp nhận thì Viện kiểm sát các cấp cần thực hiện tốt các giải pháp cơ bản: Tổ chức triển khai thực hiện đầy đủ, toàn diện các đạo luật tư pháp mới ban hành, các Chỉ thị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Nghị quyết

của Quốc hội; nâng cao trách nhiệm của Lãnh đạo trong quản lý, chỉ đạo điều hành công tác kháng nghị; nâng cao trách nhiệm, nghiệp vụ của cán bộ, Kiểm sát viên khi thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử án hình sự; tăng cường phối hợp giữa Viện kiểm sát tỉnh và Viện Cấp cao 3 trong công tác kháng nghị phúc thẩm; tăng cường kiểm tra nghiệp vụ, tổng kết thực tiễn, trách nhiệm trong thỉnh thị và trả lời thỉnh thị trong lĩnh vực này./.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Dương Thanh Biểu (2008), *Nâng cao hơn nữa trách nhiệm của Viện kiểm sát và của Kiểm sát viên trong công tác kháng nghị phúc thẩm hình sự đối với bản án, quyết định sơ thẩm của Tòa án*, Tạp chí Kiểm sát, (số 4), Tr.3 – 10;
2. Dương Thanh Biểu (2007), *Những vấn đề cần chú ý để nâng cao chất lượng công tác kháng nghị phúc thẩm hình sự của Viện kiểm sát nhân dân*, Tạp chí Kiểm sát, (số 8), Tr.3-10;
3. Nguyễn Hòa Bình (2015), *Những nội dung mới trong Bộ luật TTHS năm 2015*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Bộ Chính trị (2007), *Chỉ thị số 15 - CT/TW của Bộ chính trị Về sự lãnh đạo của Đảng đối với các cơ quan bảo vệ pháp luật trong công tác điều tra xử lý vụ án và công tác bảo vệ Đảng*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội;
5. Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng (2002), *Nghị quyết số 08/NQ-TW Về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội;
6. Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng (2005), *Nghị quyết số 48-NQ/TW Về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội;
7. Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng (2005), *Nghị quyết số 49-NQ/TW Về chiến lược cải cách công tác tư pháp đến năm 2020*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội;
8. Lê Văn Cẩm (2011), *Hoàn thiện nguyên tắc tranh tụng trong pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam theo tinh thần cải cách tư pháp*, Tạp chí kiểm sát, (số 13), tr.42-45.

9. Lê Cẩm, Nguyễn Ngọc Chí (2004), *Cải cách tư pháp ở Việt Nam trong giai đoạn xây dựng nhà nước pháp quyền*, Nxb. Đại học quốc gia, Hà Nội.
10. Lê Tiên Châu (2009), *Luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Trẻ.
11. Lê Thành Dương (2014), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về kháng nghị phúc thẩm hình sự*, Tạp chí Kiểm sát, (số 12); Tr.32 - 40
12. Lê Thành Dương (2005), *Thực trạng và những kinh nghiệm trong việc nâng cao chất lượng kháng nghị phúc thẩm hình sự của viện kiểm sát nhân dân các tỉnh phía Nam*, Tạp chí Kiểm sát, (số 22); Tr.16 – 19;
13. Đỗ Văn Dương (2006), *Cơ quan thực hành quyền công tố trong cải cách tư pháp ở nước ta hiện nay*, Tạp chí nghiên cứu lập pháp, (số 7), tr.6-13.
14. Mai Thanh Hiếu (2015), *Khái niệm hiệu lực của kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm trong tố tụng hình sự*, Tạp chí Luật học, (số 01); Tr. 20 – 30;
15. Mai Thanh Hiếu (2012), *Thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm trong tố tụng hình sự Việt Nam*, Tạp chí Luật học, (số 10); Tr.18 – 26;
16. Nguyễn Thị Phương Hoa – Phan Anh Tuấn (2017), *Bình luận khóa học những điểm mới của BLHS 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017)*, Nxb Hồng Đức.
17. Lê Thanh Hùng (2005), *Một số vấn đề rút ra qua công tác giải quyết án có kháng nghị phúc thẩm hình sự của Viện kiểm sát nhân dân các tỉnh thành phố khu vực phía Bắc*, Tạp chí Kiểm sát, (số 22); Tr. 7 – 12;
18. Tạ Trung Kiên (2013), *Một số đề xuất tăng cường công tác kháng nghị phúc thẩm hình sự trong thời gian tới*, Tạp chí Kiểm sát, (số 23); Tr. 16 –
19. Nguyễn Thị Lan (2017), *Giải pháp nâng cao chất lượng công tác kháng nghị phúc thẩm hình sự của Viện kiểm sát nhân dân*, Tạp chí Kiểm sát, (số 3); Tr. 28 – 31;

20. Nguyễn Hoài Nam (2010), *Những kết quả đạt được qua hai năm thực hiện Chỉ thị số 03/2008/CT-VKSTC-VPTI của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao về tăng cường công tác kháng nghị phúc thẩm hình sự*, Tạp chí Kiểm sát, (số 16); Tr. 9 – 15;
21. Nguyễn Nông (2005), *Nhận thức đúng và đầy đủ về trách nhiệm của Viện kiểm sát nhân dân trong công tác kháng nghị phúc thẩm hình sự*, Tạp chí Kiểm sát, (số 22); Tr. 25 – 29;
22. Võ Thị Kim Oanh (2016), *Bình luận những điểm mới cơ bản của Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015*, Nxb Hồng Đức.
23. Hoàng Phê (2012), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Hồng Đức, Thành phố Hồ Chí Minh;
24. Nguyễn Hải Phong (2014), *Một số vấn đề về tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra*, Nxb. Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội.
25. Dương Thị Liên Phương (2008), *Những vấn đề rút ra từ kết quả kháng nghị phúc thẩm hình sự trên một cấp của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đối với bản án, quyết định của toà án nhân dân cấp huyện*, Tạp chí Kiểm sát, (số 4); Tr. 32 – 34;
26. Đinh Văn Quế (2007), *Bàn thêm về kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm vụ án hình sự*, Tạp chí Kiểm sát, (số 15); Tr. 36 – 40;
27. Quốc hội (2003), *Bộ luật Tố tụng Hình sự*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội;
28. Quốc hội (2015), *Bộ luật Tố tụng Hình sự*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội;
29. Quốc hội (2013), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội;

30. Quốc hội (2002) *Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân*; Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội;
31. Quốc hội (2014), *Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân*; Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội;
32. Hoàng Thị Minh Sơn (2013), *Một số bất cập trong quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự về kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm*, Tạp chí Luật học, (số 08); Tr. 45 – 51;
33. Phan Văn Sơn (2012), *Một số vướng mắc trong thực tiễn áp dụng Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 ở giai đoạn xét xử phúc thẩm và kiến nghị sửa đổi, bổ sung*, Tạp chí kiểm sát, (số 21). Tr.55-59.
34. Hoàng Ngọc Thành (2005), *Một số vấn đề xung quanh quyền hạn kháng nghị phúc thẩm hình sự của Viện kiểm sát nhân dân*, Tạp chí Kiểm sát, (số 22);
35. Vũ Đức Thành (2010), *Đôi điều rút ra qua thực hiện công tác kháng nghị phúc thẩm hình sự ở Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh*, Tạp chí Kiểm sát, (số 16); Tr. 40 – 42;
36. Hồ Ngọc Thảo (2013), *Một số giải pháp nhằm thực hiện có hiệu quả công tác kháng nghị phúc thẩm hình sự*, Tạp chí Kiểm sát, (số 21); Tr. 22 – 25;
37. Cao Thị Thu Thắng (2014), *Tăng cường kháng nghị phúc thẩm hình sự theo Chỉ thị 03/CT-VKSTC-VPTI của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao để đạt hiệu quả cao hơn*, Tạp chí Kiểm sát, (số 13); Tr. 26 – 31;
38. Lê Hữu Thê - Đỗ Văn Đương – Nguyễn Thị Thủy (2013), *Những vấn đề lý luận và thực tiễn cấp bách của việc đổi mới thủ tục TTHS đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
39. Lê Hữu Thê (chủ biên), Đỗ Văn Đương, Nông Xuân Trường (2008), *Quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp*, Hà Nội.

40. Phạm Thị Thủy (2010), *Một số ý kiến đề xuất nhằm nâng cao chất lượng kháng nghị phúc thẩm hình sự*, Tạp chí Kiểm sát, (số 16); Tr. 47 – 48;
41. Nguyễn Huy Tiên (2012), *Tiếp tục nâng cao chất lượng công tác kháng nghị phúc thẩm hình sự trong ngành kiểm sát nhân dân*, Tạp chí Kiểm sát, (số Tết); Tr. 42 – 46;
42. Tòa án nhân dân tối cao (2006), *Nghị quyết số 05/2005/NQ-HĐTP ngày 08/12/2005 hướng dẫn thi hành một số quy định phân thứ tự “Xét xử phúc thẩm” của Bộ luật tố tụng hình sự*.
43. Trần Văn Trung (2008), *Những vướng mắc khi áp dụng các quy định của pháp luật về kháng nghị phúc thẩm hình sự*, Tạp chí Kiểm sát, (số 04); Tr. 27 – 31;
44. Trung tâm Từ điển học (2013), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng, Đà Nẵng;
45. Trung tâm Ngôn ngữ và văn hóa Việt Nam (1999), *Đại từ điển tiếng Việt*, Nxb Văn hóa – Thông tin, Hà Nội;
46. Trường Cao đẳng kiểm sát Hà Nội (1996), *Giáo trình công tác kiểm sát*, Nxb. Công an nhân dân, tập 1.
47. Trường Đại học Luật Hà Nội (2015), *Giáo trình Luật Tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội;
48. Nguyễn Thúy Vân (2007), *Căn cứ để kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm hình sự*, Tạp chí Kiểm sát, (số 8); Tr. 15 – 15, 28;
49. Viện khoa học pháp lý – Bộ Tư Pháp (2006), *Từ điển luật học*, Nxb Từ điển bách khoa – Nxb Tư pháp, Hà Nội
50. Viện Khoa học pháp lý - Bộ Tư pháp (2007), *Từ điển Thuật ngữ Luật học*, Nxb Bách khoa và Nxb Tư pháp, Hà Nội;

51. Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (2015), *Chuyên đề thực trạng và các giải pháp nâng cao chất lượng công tác kháng nghị phúc thẩm án hình sự của cấp quận, huyện, Thành phố Hồ chí Minh*;
52. Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh, *Báo cáo tổng kết, số liệu (2015,2016,2017 và 6 tháng đầu năm 2018) của Viện Cấp cao 3*;
53. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2007), *Quy chế số 960/2007/QĐ-VKSTC, Quy chế thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử các vụ án hình sự, ban hành kèm theo quyết định số 960/2007/QĐ-VKSTC ngày 17/9/2007.*
54. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2017), *Quy chế số 505/QĐ-VKSTC, Quy chế thực thành quyền công tố và kiểm sát xét xử các vụ án hình sự, ban hành kèm theo quyết định số 505/QĐ-VKSTC ngày 18/12/2017.*
55. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2009), *Sổ tay Kiểm sát viên*, Hà Nội.
56. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2006), *Sổ tay Kiểm sát viên hình sự*, Tập I, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
57. Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Công an - Tòa án nhân dân tối cao (2010), *Thông tư liên tịch số: 01/2010/TTLT - VKSNDTC - BCA – TANDTC về Hướng dẫn thi hành các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về trả hồ sơ để điều tra bổ sung*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội;
58. Viện ngôn ngữ học (2004), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng.
59. Võ Khánh Vinh (2004), *Bình luận khoa học Bộ luật TTHS*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.
60. Võ Khánh Vinh (2014), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam – Phần chung*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
61. Võ Khánh Vinh (2014), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam – Phần các tội phạm*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

62. Trần Thị Quang Vinh (2011), *Tập bài giảng Luật hình sự Việt Nam*, phân các tội phạm.
63. Quách Thành Vinh (2009), *Một số trường hợp giải quyết kháng cáo, kháng nghị liên quan đến phạm vi xét xử phúc thẩm vụ án hình sự*, Tạp chí Tòa án nhân dân, (số 17); Tr. 25 – 27;
64. Ngô Thanh Xuyên (2012), *Bàn về căn cứ kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm hình sự*, Tạp chí Kiểm sát, (số 22); Tr. 27 – 34;
65. Ngô Thanh Xuyên (2012), *Bàn về khái niệm kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm hình sự*, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, (số 6); Tr. 27 – 34;
66. Ngô Thanh Xuyên (2012), *Hoàn thiện một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 về kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm*, Tạp chí Luật học, (số 4); Tr. 51 – 58;
67. Ngô Thanh Xuyên (2010), *Một số ý kiến về bổ sung, thay đổi và rút kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm hình sự*, Tạp chí Tòa án nhân dân, (số 17); Tr. 14 – 18;
68. Ngô Thanh Xuyên & Đỗ Mạnh Phương (2014), *Hoàn thiện các quy định về kháng nghị phúc thẩm hình sự trong Bộ luật Tố tụng hình sự hiện hành*, Tạp chí Kiểm sát, (số 17); Tr. 44 – 49;
69. Nguyễn Phúc Bình, *Một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng công tác kháng nghị phúc thẩm hình sự ở cấp huyện*, Báo điện tử Viện kiểm sát nhân dân, <http://www.kiemsat.vn/mot-giai-phap-nham-nang-cao-chat-luong-cong-tac-khang-nghi-phuc-tham-hinh-su-o-cap-huyen.html>, ngày cập nhật 08/12/2016;
70. Luật Trung Cường, *Những điểm mới trong Bộ luật tố tụng hình sự 2015 về xét xử phúc thẩm*, Luật Trung Cường, <http://luattrungcuong.com/2016/07/16/nhung-diem-moi-trong-blthts-2015-ve-xet-xu-phuc-tham/>, ngày cập nhật 16/7/2016;

PHỤ LỤC

Biểu mẫu 1: Thống kê số liệu về thực trạng công tác xét xử và kháng nghị phúc thẩm hình sự của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh và Viện kiểm sát 23 tỉnh thành phía Nam (Từ năm 2015 - 2018)

STT	Đơn vị	Tổng số án phúc thẩm đã xét xử					Số bản án sơ thẩm bị Tòa cấp cao hủy, sửa				Tỷ lệ án hủy, sửa so với tổng số án xét xử (đơn vị tính %)			
		Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	06 tháng 2018	Trong đó, án có kháng nghị của cấp tỉnh trong 04 năm	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	06 tháng năm 2018	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	06 tháng 2018
01	Hậu Giang	08	07	02	04	00	01	03	01	01	12,5	42,85	50	25
02	Đồng Nai	34	51	42	10	18	11	15	16	06	32,35	48,38	38,09	60
03	Bình Dương	24	29	15	16	16	05	12	04	03	20,83	41,37	26,66	18,75
04	Ninh Thuận	08	05	08	02	03	04	00	01	01	50	00	12,5	50
05	Kiên Giang	38	41	18	14	00	10	11	01	05	26,31	26,82	5,55	35,71
06	Bình Phước	15	10	16	09	14	04	04	08	03	26,66	40	50	33,33
07	Long An	24	28	18	08	03	09	10	08	06	37,5	35,71	44,44	75
08	TP. HCM	150	198	205	83	119	51	67	76	35	34	33,83	37,07	42,16
09	Đồng Tháp	27	17	19	06	05	09	07	09	03	33,33	41,17	47,36	50
10	Tiền Giang	15	12	06	09	01	05	04	01	02	33,33	33,33	16,66	22,22

11	Tây Ninh	20	14	18	06	05	08	03	10	01	40	21,42	55,55	16,66
12	Trà Vinh	09	02	03	01	01	02	00	01	01	22,22	00	33,33	100
13	Cần Thơ	30	25	25	07	03	13	08	08	01	43,33	32	32	14,28
14	Sóc Trăng	18	25	07	11	08	06	11	01	05	33,33	44	14,28	44,45
15	Vũng Tàu	30	27	20	08	09	14	12	09	05	46,66	44,44	45	62,5
16	Bình Thuận	16	10	10	06	03	04	04	00	03	25	40	00	50
17	Cà Mau	17	15	12	17	14	05	04	05	04	29,41	26,66	41,66	23,52
18	An Giang	15	21	25	11	00	06	07	07	05	40	33,33	28	45,45
19	Lâm Đồng	18	18	17	09	04	08	03	05	01	44,44	16,66	29,41	11,11
20	Bạc Liêu	06	23	10	10	14	01	09	05	08	16,66	39,13	50	80
21	Vĩnh Long	16	11	16	07	01	04	03	07	03	25	27,27	43,75	42,85
22	Đắk Nông	19	43	17	15	18	05	17	08	11	26,31	39,53	47,05	73,33
23	Bến Tre	05	09	08	03	02	02	03	03	02	40	33,33	37,5	66,66
Tổng số		562	641	537	272	261	187	217	194	115	33,27	33,85	36,12	42,27

Biểu mẫu 2: Kết quả kháng nghị và bảo vệ kháng nghị phúc thẩm hình sự của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh

Năm	Kháng nghị mới ban hành		Số vụ án sơ thẩm trong khu vực bị Tòa cấp cao xử phúc thẩm hủy, sửa	Tỷ lệ KN so với án bị hủy, sửa (đơn vị tính %) (Chỉ tiêu của Ngành $\geq 5\%$ / số án Tòa phúc thẩm hủy, sửa)	Rút kháng nghị		Kết quả xét xử				
	Số vụ	Số bị cáo			Số vụ	Số bị cáo	Chấp nhận kháng nghị			Bác kháng nghị	
							Số vụ	Số bị cáo	Tỷ lệ % (Tính trên số vụ án kháng nghị Tòa án cấp phúc thẩm đã xét xử)	Số vụ	Số bị cáo
2015	8	30	187	4,27	00	00	02	05	100%	00	00
2016	18	3	217	8,29	01	01	15	25	93,75%	01	06
2017	10	31	194	5,15	01	02	10	26	76,92%	03	11
06 tháng 2018	10	15	115	8,69	00	00	02	02	100%	00	00
TỔNG	46	09	713	5,47	02	03	29	58	87,87%	04	17